



*Đồng hành
cùng phát triển*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021



NỘI DUNG

THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Giám đốc Công ty	6
Thông tin khái quát	8
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
Định hướng phát triển	21
Các rủi ro và công tác Quản trị rủi ro	22

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Tổng quan kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021	30
Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021	34
Tổ chức và nhân sự	36
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	42
Các chỉ số tài chính cơ bản	43
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	45
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	46



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021	56
Tình hình tài chính	66
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	67
Kế hoạch phát triển trong tương lai	67
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	67

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Thành viên	70
Hoạt động của Ban Kiểm soát	71

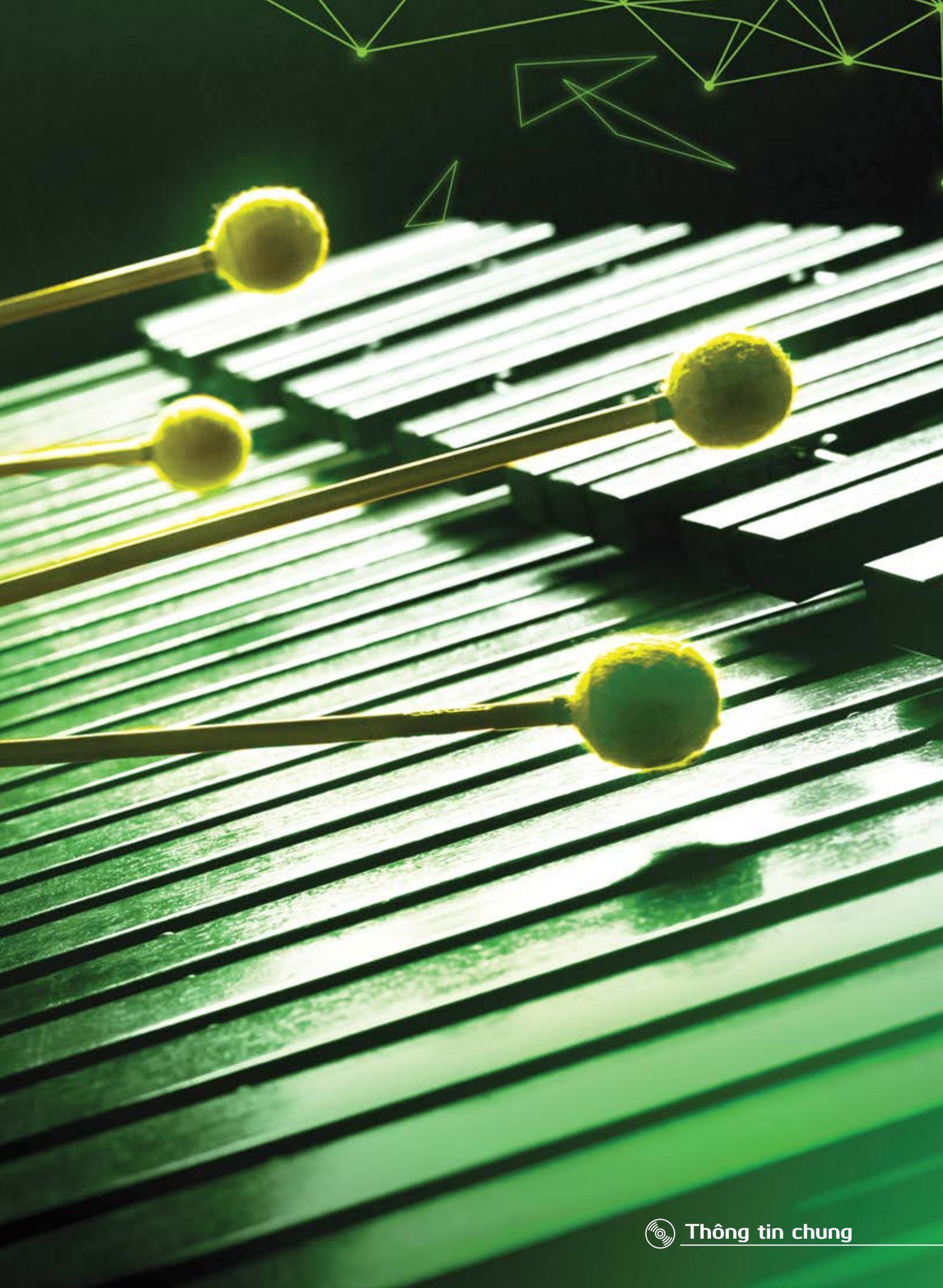
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Cảm ơn Niềm tin Chung bước đồng hành

20 năm hình thành và phát triển, sự thành công của VCBS không chỉ được dựng xây bởi một tập thể nhân viên vững mạnh, mà còn có sự tin cậy, sự hợp tác, đồng hành phát triển của các đối tác, khách hàng,... để VCBS trưởng thành và không ngừng lớn mạnh như ngày nay.



“ Trong năm 2021, VCBS tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường về mảng bảo lãnh phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp, với hàng loạt thương vụ phát hành thành công do các doanh nghiệp lớn trên thị trường chứng khoán thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau phát hành. ”



Kính thưa Quý vị!

Nền kinh tế Việt Nam năm 2021 từng chao đảo khi xuất hiện biến chủng Delta của dịch Covid-19. Tuy nhiên, vượt qua nghịch cảnh, nền kinh tế của chúng ta đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Tính cả năm 2021, GDP Việt Nam vẫn tăng trưởng dương 2,58%. Năm 2021, thị trường chứng khoán ghi nhận xu hướng đi lên mạnh mẽ của các chỉ số chính trong bối cảnh thanh khoản thị trường liên tục duy trì ở mức cao. VN-Index tiếp tục thiết lập những mức đỉnh mới, hướng đến ngưỡng 1.500 điểm trong quý IV năm 2021. Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân phiên trong năm 2021 tăng gần gấp 3 lần so với năm 2020 và đạt 900 – 950 triệu cổ phiếu mỗi phiên, tương đương 26.568 tỷ trên cả ba sàn.

Thích ứng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, với sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo Vietcombank, Ban lãnh đạo VCBS, Công ty đã nỗ lực không ngừng và thực hiện thành công nhiều thương vụ với quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm nhiều thương vụ liên quan tới các yếu tố nước ngoài. Trong năm 2021, VCBS tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường về mảng bảo lãnh phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp, với hàng loạt thương vụ phát hành thành công do các doanh nghiệp lớn trên thị trường chứng khoán thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau phát hành. Những thương vụ tiêu biểu VCBS tham gia với vai trò là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu có thể kể đến như Tư vấn và đại lý phát hành thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB); Tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam; Bảo lãnh/đại lý phát hành thành công hàng nghìn tỷ đồng trái phiếu của Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải, Công ty cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest, Công ty cổ phần

Tập đoàn Hateco, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO, Tổng công ty Đông Bắc, Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land,... Bên cạnh đó, mảng bán lẻ vẫn được VCBS duy trì và phát triển, đặc biệt là tập trung nguồn lực phát triển bán lẻ từ Ngân hàng mẹ.

Những thành tựu đã đạt được trong năm 2021 là minh chứng cho sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng vươn lên của tập thể cán bộ nhân viên trong toàn Công ty và cũng là động lực để VCBS phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

Trong giai đoạn tới, dù bối cảnh thị trường chứng khoán được dự báo sẽ có nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch bệnh lên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, VCBS tiếp tục chuyển mình thích nghi với điều kiện kinh doanh mới, tập trung nguồn lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với chiến lược “Lấy Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp là trung tâm”, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và tập trung vào cung cấp sản phẩm dịch vụ trọn gói theo định hướng trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược này, VCBS ưu tiên phát triển các hoạt động kinh doanh quan trọng như: (i) Phát triển hoạt động mảng IB làm trọng tâm; (ii) Khai thác tối đa tập khách hàng bán chéo với Ngân hàng mẹ; (iii) Đầu tư chuyển đổi số, nâng cao năng lực công nghệ thông tin phục vụ khách hàng bán lẻ. Đồng thời, Công ty cũng sẽ tiếp tục đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng nhân sự cũng như cải thiện hệ thống phúc lợi và môi trường làm việc.

VCBS sẽ không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam; luôn cam kết là đối tác đáng tin cậy đối với cộng đồng nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tổ chức định chế tài chính trong nước và quốc tế.



Giám đốc
LÊ MẠNH HÙNG



Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN THỊ KIM OANH

Tên công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (VCBS).

Tên Tiếng Anh: Vietcombank Securities Co., Ltd

Ngày thành lập: 07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động: số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 04 năm 2002 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất: số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng).

Vốn chủ sở hữu: 2.371.454.635.812 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm bảy mươi một tỷ, bốn trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm mười hai đồng).

Hội sở chính: Tầng 6-7-8, Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel: (+84-24) 3936 6990 - **Fax:** (84-24)-39360262

Website: www.vcbs.com.vn



VỐN ĐIỀU LỆ



1.000.000.000.000

ĐỒNG





2002

- VCBS chính thức được thành lập ngày 07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.
- Công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp các tiện ích trực tuyến trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cung cấp bảng giá trực tuyến (tại website www.vcbs.com.vn) và tiện ích giao dịch chứng khoán qua mạng Internet (VCBS – Cyber Investor).
- Công ty chứng khoán tiên phong trong việc khai mở thị trường trái phiếu (đây là thị trường vốn chỉ dành cho các Ngân hàng thương mại trước đó hoạt động), VCBS thực hiện bảo lãnh thành công 1.000 tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Hồ Chí Minh (VCBS TP.HCM).

2005

- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức bán đấu giá cổ phần của Công ty Thiết bị Bưu điện (POSTEF – Mã: POT) qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là phiên đấu giá cổ phần đầu tiên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tiền thân của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hiện nay.
- Nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về thành tích góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2004.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2000 – 2005.

2003

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu có cam kết chắc chắn cho CTCP XNK Tổng hợp và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (Imexco). Đây là lần đầu tiên một công ty chứng khoán thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp có cam kết chắc chắn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2004

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 200 tỷ đồng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Đây là thương vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu được cam kết chắc chắn có giá trị lớn nhất trong 5 năm đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam.

2006

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
- Nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích trong công tác tham gia bảo lãnh phát hành trái phiếu đô thị.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn.

2007

- Tư vấn bán đấu giá phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), một trong những thương vụ IPO có quy mô lớn nhất tại Việt Nam.
- Bảo lãnh phát hành thành công 400 tỷ đồng trái phiếu của Tổng công ty Thép và 300 tỷ đồng trái phiếu của Tổng công ty Sông Đà.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Đà Nẵng (VCBS Đà Nẵng).



2008

- Kiến toàn bộ máy hoạt động trên toàn hệ thống VCBS sau 05 năm đi vào hoạt động.
- Thành lập điểm giao dịch của VCBS tại Vietcombank Hải Dương.

2009

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.
- Một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” cho Tổ chức trung gian và hỗ trợ dịch vụ tiêu biểu.
- Nhận giải thưởng công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2012

- Nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vì đã đạt “Thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp năm 2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”.
- Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập M&A nổi bật trên thị trường chứng khoán Việt Nam như:
 1. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội và Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội.
 2. CTCP Thép Việt Ý và CTCP Luyện thép Sông Đà.
- Bảo lãnh phát hành thành công 250 tỷ đồng trái phiếu Vinaenco.
- Tư vấn và thu xếp phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu BIM Seafood.

2010

-  Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Cần Thơ (VCBS Cần Thơ).
-  Một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
-  Nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liên tục.

2011

-  Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Vũng Tàu (VCBS Vũng Tàu).
-  Công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện nghiệp vụ M&A, với các thương vụ lớn được hoàn thành trong lĩnh vực ngân hàng. Cụ thể:
 1. Sáp nhập Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina và Ngân hàng Shinhan Việt Nam.
 2. Hợp nhất 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa và Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

2013

-  Một trong những thành viên đứng đầu về thị phần đấu thầu sơ cấp và môi giới giao dịch thứ cấp trên thị trường trong nhiều năm liên tiếp.
-  Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
-  Tư vấn và Bảo lãnh phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu CTCP Kỹ thuật TP.HCM (CII); đồng Tư vấn phát hành thành công 5.000 tỷ đồng trái phiếu Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).
-  Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập (M&A): CTCP Sông Đà 9 và CTCP Sông Đà 91; CTCP Someco Sông Đà và CTCP Someco Hòa Bình.



2014

- Một trong 04 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu và Tín phiếu chiếm trên 10% thị phần giao dịch của toàn thị trường.
- Công ty chứng khoán duy nhất trên thị trường vinh dự nhận giấy khen do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trao tặng “Thành tích tiêu biểu đối với sự phát triển của thị trường Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2009–2014”.
- Phát hành thành công 200 tỷ đồng trái phiếu VCBS.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2009 – 2014.
- Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2016

- Tư vấn và đại lý phát hành thành công 8.000 tỷ đồng trái phiếu Vietcombank.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016.
- Thành lập Văn phòng đại diện Bình Dương.

2015

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 9.000 tỷ đồng trái phiếu của Masan Consumer Holdings (MCH) – Công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan.
- Tư vấn phát hành thành công 2.300 tỷ đồng trái phiếu của Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang – Công ty thuộc Tập đoàn Vingroup.
- Chính thức triển khai cung cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VCBS Trading hoàn toàn mới trên các phân hệ Home Trading; Web Trading; Mobile Trading và App Trading thành công.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng VCBS kỷ niệm chương “Một trong 05 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2005– 2015.
- Phát hành thành công 300 tỷ đồng trái phiếu VCBS.
- Thành lập Phòng giao dịch Giảng Võ và Văn phòng đại diện Hải Phòng.

2017

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Đại lý đấu giá duy nhất được nhà đầu tư lựa chọn trong thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SAB) với tổng giá trị giao dịch thông qua VCBS là khoảng 110.000 tỷ đồng.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền, chứng khoán năm 2017.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu Chính phủ năm 2017.



2018

- Đại lý đầu giá thành công thương vụ thoái vốn Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG) với tổng giá trị 7.366 tỷ đồng.
- Tư vấn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A thành công trong các thương vụ mua cổ phần tại: Tập đoàn Dệt may Việt Nam (10%), Công ty cổ phần Thép Việt Ý (45%), Công ty cổ phần Tập đoàn PAN (8.97%).
- Là thành viên thứ 9 trên thị trường chính thức cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018 và thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu năm 2017 – 2018.

2019

- Đứng đầu thị phần môi giới giao dịch Trái phiếu Chính phủ.
- Đứng thứ 2 thị phần môi giới Trái phiếu Doanh nghiệp
- Đứng thứ 2 thị phần đấu thầu giao dịch Trái phiếu Chính phủ.
- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công hơn 6.000 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hoạt động khác nhau, hỗ trợ nguồn vốn trung dài hạn cho doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.
- Tư vấn và đại lý phát hành thành công 2.550 tỷ đồng trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức danh tiếng CGIF (Credit Guarantee and Investment Facility – Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA). Đây là thương vụ có cấu trúc trái phiếu phức tạp và đã thu hút nhiều nhà đầu tư tổ chức lớn, có uy tín trên thị trường vốn.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2019.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2018 – 2019.

2020

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải – Thaco. Đây là thương vụ phát hành trái phiếu thứ hai trong vòng hai năm liên tiếp (2019–2020) mà VCBS tham gia với vai trò đơn vị tư vấn và đại lý phát hành cho Thaco – doanh nghiệp số 1 trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam.
- Thực hiện đồng bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam – TKV, kỳ hạn 5 năm, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán trong năm 2020.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là Top 3 công ty chứng khoán thành viên có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất năm 2020.

2021

- VCBS huy động thành công 38 triệu USD từ các định chế tài chính nước ngoài theo cấu trúc hợp vốn (Syndicated).
- Thực hiện Tư vấn và đại lý phát hành thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB), với mục đích để tăng vốn cấp 2 nhằm bổ sung nguồn vốn hoạt động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn của VCB phục vụ phát triển kinh tế – xã hội; đồng thời, việc phát hành trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của VCB, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Thực hiện Tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam. Trái phiếu có kỳ hạn 07 năm với lãi suất cố định và được Công ty Tài chính Quốc tế – International Finance Corporation (“IFC”), một thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới – World Bank Group mua toàn bộ.
- Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng bằng khen cho VCBS đã có thành tích trong việc xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2018 – 2020.
- Đảng bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tặng bằng khen Đảng bộ Công ty Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021.
- Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

VCBS được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật. Các loại hình kinh doanh bao gồm:

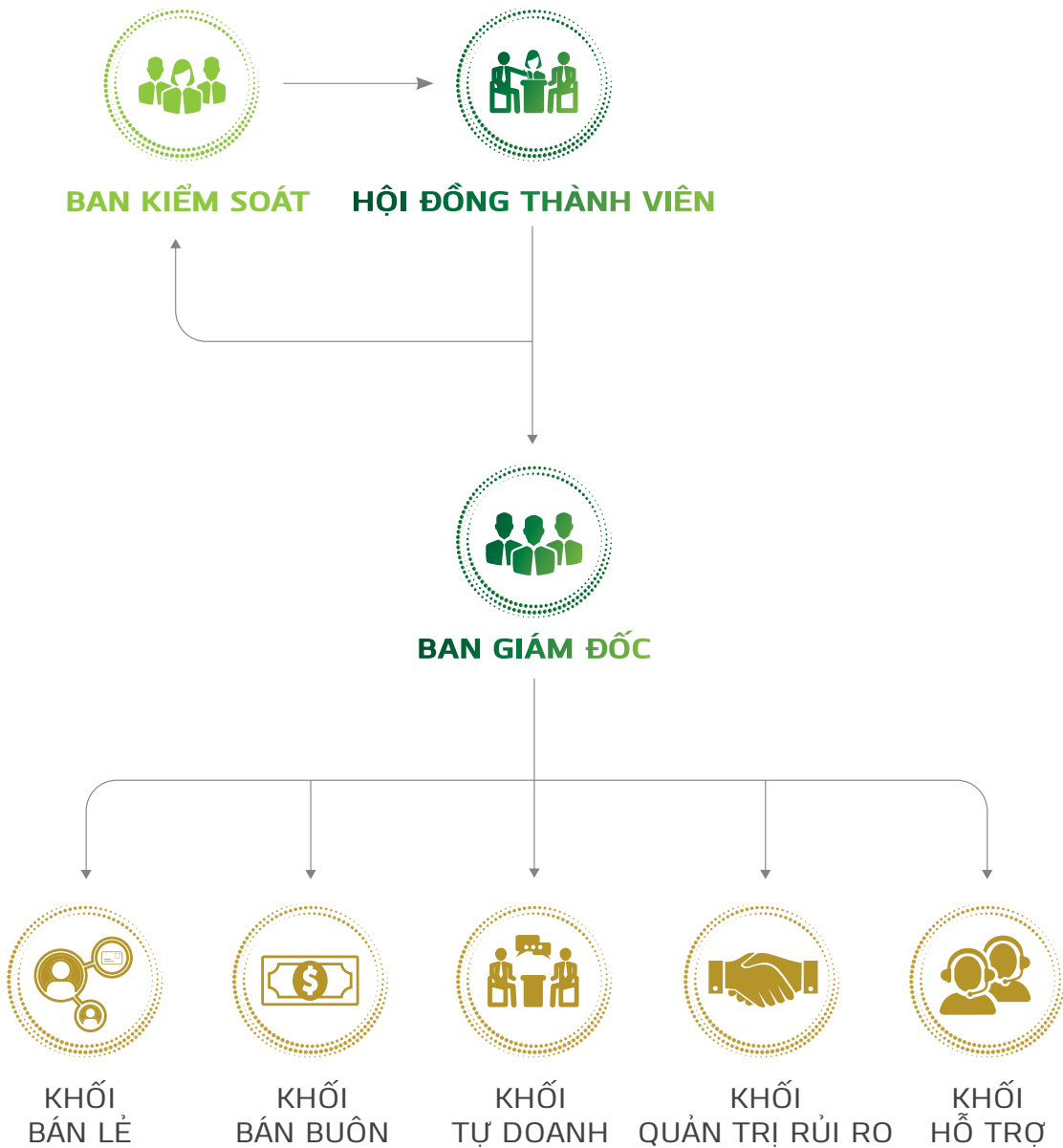


ĐỊA BÀN KINH DOANH

VCBS hiện có 1 Trụ sở chính tại Hà Nội, 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, 07 Phòng giao dịch tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và 04 Văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Đồng Nai, Hải Phòng và Vũng Tàu.



**VCBS HOẠT ĐỘNG VỚI MÔ HÌNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VỚI CƠ CẤU NHƯ SAU:**



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn chưa có giải pháp thích ứng với đại dịch Covid-19, thị trường chứng khoán Việt Nam trở thành điểm sáng khi nền kinh tế thích nghi nhanh với trạng thái bình thường mới và giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của dịch bệnh, đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam cũng như nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán.

Trong năm 2021, VCBS tiếp tục duy trì mục tiêu trở thành Ngân hàng Đầu tư hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Để hoàn thành mục tiêu đề ra, Công ty xác định các định hướng phát triển trọng tâm trong thời gian tới bao gồm:



Nâng cao tiềm lực tài chính từ việc gia tăng vốn điều lệ, tạo nguồn lực, điều kiện tham gia các thương vụ lớn, khẳng định vị thế trên thị trường.



Gia tăng nguồn lực khách hàng cho cả khối bán lẻ và bán buôn thông qua tăng cường hợp tác với Ngân hàng mẹ để hoàn thiện mô hình kinh doanh trong hệ sinh thái One Vietcombank.



Gia tăng nguồn lực công nghệ bằng cách tiếp tục nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng. Đồng thời cải thiện chính sách thu hút nhân tài, gia tăng năng lực quản trị rủi ro đáp ứng tốc độ phát triển kinh doanh trong điều kiện thay đổi liên tục từ các cơ chế quản lý của cơ quan quản lý nhà nước.

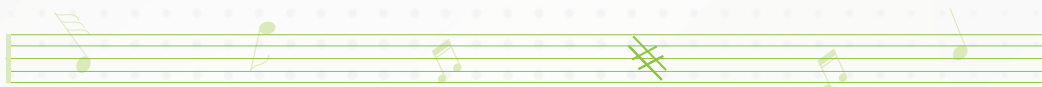




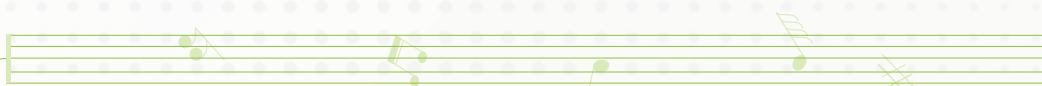
Với mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu trên thị trường chứng khoán đầy biến động, VCBS luôn đặt ưu tiên hàng đầu cho việc xây dựng một hệ thống Quản trị rủi ro, không chỉ đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước mà còn hướng tới đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro trong lĩnh vực tài chính.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, nhận thức được việc phòng ngừa và hạn chế rủi ro trên thị trường tài chính là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, Công ty đã ưu tiên bổ sung đội ngũ nhân sự giàu kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cho bộ phận Quản trị rủi ro. Tất cả các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo bài bản, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính và được nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa đào tạo về quản lý rủi ro trong và ngoài nước.

Nhằm đảm bảo tất cả các Đơn vị, Cán bộ của Công ty đều tham gia vào quá trình kiểm soát rủi ro của Công ty, VCBS đã lựa chọn áp dụng mô hình Quản trị rủi ro gồm 03 tầng bảo vệ độc lập trong hoạt động Quản trị rủi ro. Mỗi tầng bảo vệ bao gồm những Bộ phận khác nhau của Công ty với những nhiệm vụ khác nhau trong công tác quản lý rủi ro nhưng đều có thể hỗ trợ cho nhau, cùng hướng tới một hệ thống Quản trị rủi ro đồng nhất và hiệu quả.

1

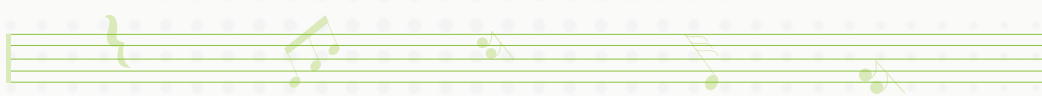
Tầng bảo vệ thứ 1: bao gồm các đơn vị thuộc Khối Kinh doanh và Khối Hỗ trợ – nơi trực tiếp phát sinh các rủi ro, có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro trong các hoạt động tác nghiệp hàng ngày.



Tầng bảo vệ thứ 2: bao gồm các bộ phận quản lý rủi ro tập trung và độc lập như: Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Tuân thủ có trách nhiệm phát triển, duy trì và giám sát hoạt động quản lý rủi ro của toàn công ty.

**2**

Tầng bảo vệ thứ 3: bao gồm các bộ phận giám sát độc lập như: Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát. Đây là các đơn vị thực hiện các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo tính tuân thủ đối với các chiến lược, chính sách và các quy định quản trị rủi ro mà Công ty đã đặt ra.

3

Trên thực tế, công tác Quản trị rủi ro của VCBS đang được vận hành theo một chu trình hoàn chỉnh theo đúng lý thuyết tiêu chuẩn và quy định của Quyết định số 105/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể bao gồm 5 bước:



Hàng năm, hệ thống văn bản, chính sách điều chỉnh cho hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty cũng đang tiếp tục được chuẩn hóa và hoàn thiện. Cụ thể: Chính sách rủi ro định hướng cho hoạt động quản lý rủi ro của Công ty trong đó bao gồm hạn mức rủi ro và khẩu vị rủi ro cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động của Công ty được ban hành hàng năm. Ngoài ra, các quy trình quản lý cho các rủi ro trọng yếu cũng lần lượt được chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với những thay đổi của chính sách quản lý, môi trường kinh doanh và sự phát triển của sản phẩm, dịch vụ.

VCBS cũng chú trọng vào việc nâng cao, cải thiện hành vi và văn hóa Quản trị rủi ro trong nội bộ Công ty. Thông qua các buổi đào tạo nội bộ, các kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro đã được phổ biến đến từng cán bộ, từ đó dẫn tới những thay đổi tích cực trong quan điểm và hành vi của nhân viên trong công tác quản lý rủi ro.

Bên cạnh đó, việc thiết lập cơ sở hạ tầng hiệu quả cho việc thu thập, tổng hợp dữ liệu và báo cáo rủi ro cũng được Công ty đặt mục tiêu hướng tới. Hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất tại Công ty không chỉ đơn thuần là tuân thủ mà còn được sử dụng phục vụ mục tiêu đưa ra các dự báo khả năng xảy ra tổn thất, cũng như ước tính mức độ ảnh hưởng của tổn thất, xây dựng các ngưỡng kiểm soát và hạn mức rủi ro của từng lĩnh vực hoạt động.



Trong năm 2021, hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty tiếp tục được thực hiện theo đúng định hướng đã đề ra. Các hoạt động đã được triển khai bao gồm:





HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

- 🌱 Hệ thống văn bản, chính sách, quy trình nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện.
- 🌱 Triển khai định kỳ các buổi hội thảo tự rà soát rủi ro và đánh giá chốt kiểm soát đối với các nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- 🌱 Tổ chức định kỳ các buổi đào tạo phổ biến các kiến thức cơ bản về Quản trị rủi ro trên toàn hệ thống nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm Quản trị rủi ro của từng cán bộ.
- 🌱 Xây dựng hệ thống chỉ số rủi ro chính nhằm giám sát các dấu hiệu của các rủi ro tiềm ẩn.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

- 🌱 VCBS ưu tiên sử dụng các mô hình định lượng để lượng hóa rủi ro thị trường. Cụ thể: Công ty đã áp dụng phương pháp VaR để đánh giá rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện mô hình Stress Testing để đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra theo các kịch bản đã được xác định trước để từ đó có các biện pháp hạn chế tổn thất nếu cần. Việc tính toán vốn theo phương pháp VaR cũng góp phần giúp VCBS đồng hành cùng với Ngân hàng mẹ trong quá trình triển khai tuân thủ hiệp ước vốn Basel II.
- 🌱 Các quyết định đầu tư luôn phải đảm bảo duy trì phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.
- 🌱 Các hạn mức rủi ro thị trường cũng được xây dựng và đảm bảo tuân thủ tuyệt đối cho mọi hoạt động đầu tư của Công ty.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH TOÁN

- Mọi quyết định liên quan đến hoạt động cho vay ký quỹ đều được thực hiện một cách thận trọng, tuân thủ theo đúng quy định của Cơ quan quản lý và quy trình Quản trị rủi ro nội bộ của Công ty.
- Danh mục cổ phiếu cho vay được xây dựng một cách thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và khẩu vị rủi ro của Công ty trong từng thời kỳ. Danh mục cổ phiếu này được xếp hạng, cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu. Công tác xếp hạng cổ phiếu đảm bảo được đánh giá lại định kỳ và đột xuất khi cần thiết để kịp thời cập nhật tình hình doanh nghiệp, biến động của cổ phiếu.
- Một hệ thống hạn mức cũng được xây dựng với mục đích kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ, bao gồm các chỉ tiêu như: tổng hạn mức cho vay ký quỹ; hạn mức tối đa trên 1 khách hàng; hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu; tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn; tỷ lệ cảnh báo; tỷ lệ duy trì...
- Công tác kiểm soát tình hình dư nợ được thực hiện hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

- Cơ chế dự báo dòng tiền được báo cáo định kỳ, trạng thái thanh khoản được kiểm soát hàng ngày. Công ty cũng đã xây dựng được công cụ đo lường tình trạng thanh khoản và các phương án dự phòng về nguồn vốn. Trong suốt 19 năm hoạt động, Công ty luôn đảm bảo về nguồn vốn cho các kế hoạch đầu tư cũng như nghĩa vụ thanh toán. Đối với năm 2021, chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty đạt 323% tại thời điểm ngày 31/12/2021, vượt xa tỷ lệ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.



UPCOM

UPCOM: 58.76 1.61 (2.74%) KLGD: 13,979.882 GTGD: 362,981.746 (20/02/2021)

CK Mua3 K1.3 Mua2 K1.2 Mua1 K1.1 Khớp K1

7.2 200

DCD DCF

17.2 50 6.5 1,100 43 10



CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LIÊN TỤC

- Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trong năm 2021, VCBS đã tiếp tục triển khai đầy đủ và kịp thời các biện pháp phòng chống dịch nhằm hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm nơi công sở, đảm bảo sức khỏe người lao động và khách hàng đồng thời đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa ghi nhận bất cứ tổn thất nào về tài chính do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19.
- Trong năm tiếp theo, Công ty tiếp tục duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng, đề cao tính tuân thủ đối với các chính sách, quy định đồng thời đảm bảo an toàn tuyệt đối và hiệu quả vốn kinh doanh. Bộ phận Quản trị rủi ro sẽ tập trung đẩy mạnh công tác nhận diện và phòng tránh rủi ro, tiếp tục cập nhật và hoàn thiện khung Quản trị rủi ro nội bộ nhằm đảm bảo phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và thị trường; duy trì công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, bảo vệ sức khỏe và lợi ích của khách hàng trước mọi diễn biến của dịch bệnh.



HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO PHÁP LÝ

- Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh, các văn bản luật sửa đổi, ban hành mới luôn được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi và tích hợp vào quy trình tác nghiệp, quy định của Công ty.



A hand holding a robotic arm against a green background with geometric patterns. The background is a deep green with a network of glowing yellow lines and dots, resembling a molecular or digital structure. The hand is positioned in the upper right, holding a yellow robotic arm with multiple joints. The lighting is dramatic, with the hand and arm highlighted against the darker background.

Giải pháp Vượt trội Không ngừng phát triển

Với nền tảng tài chính vững mạnh và hệ thống công nghệ tiên tiến, VCBS không ngừng đầu tư nghiên cứu và cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ mới với tính năng vượt trội, gia tăng trải nghiệm cho khách hàng và giúp VCBS vững tin tiến bước xa hơn trên chặng đường phía trước.





Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam đối mặt với rất nhiều khó khăn. Mặc dù có khởi đầu thuận lợi vào quý I, tuy nhiên đợt bùng phát dịch Covid-19 kéo dài từ tháng 4 đã cản trở quá trình phục hồi. Đà phục hồi tăng trưởng kinh tế chỉ quay trở lại trong quý IV đưa mức tăng trưởng GDP đạt 5,22% so với cùng kỳ năm trước.



Năm 2021 là năm phục hồi của kinh tế toàn cầu. Hầu hết các dự báo đều cho thấy, kinh tế thế giới ước tăng trưởng trong khoảng 5-6% trong năm 2021 so với mức giảm 3-5% của năm 2020. Trong khi đó, năm 2021 nền kinh tế Việt Nam đối mặt với rất nhiều khó khăn. Mặc dù có khởi đầu thuận lợi vào quý I, tuy nhiên đợt bùng phát dịch Covid-19 kéo dài từ tháng 4 đã cản trở quá trình phục hồi. Đà phục hồi tăng trưởng kinh tế chỉ quay trở lại trong quý IV đưa mức tăng trưởng GDP đạt 5,22% so với cùng kỳ năm trước. Đây là sự đảo chiều ấn tượng so với mức sụt giảm của quý III, góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP chung của năm 2021 đạt 2,58%. Trong đó, thành quả này đạt được nhờ Việt Nam đã về đích sớm trong việc bao phủ vắc xin phòng Covid-19 cùng với đó là những hiệu quả trong chiến lược thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh.

CHỈ SỐ VN-INDEX ĐẠT

1498.28 ĐIỂM



TĂNG 35.73% SO VỚI
THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM

CHỈ SỐ HNX-INDEX ĐẠT

473.99 ĐIỂM

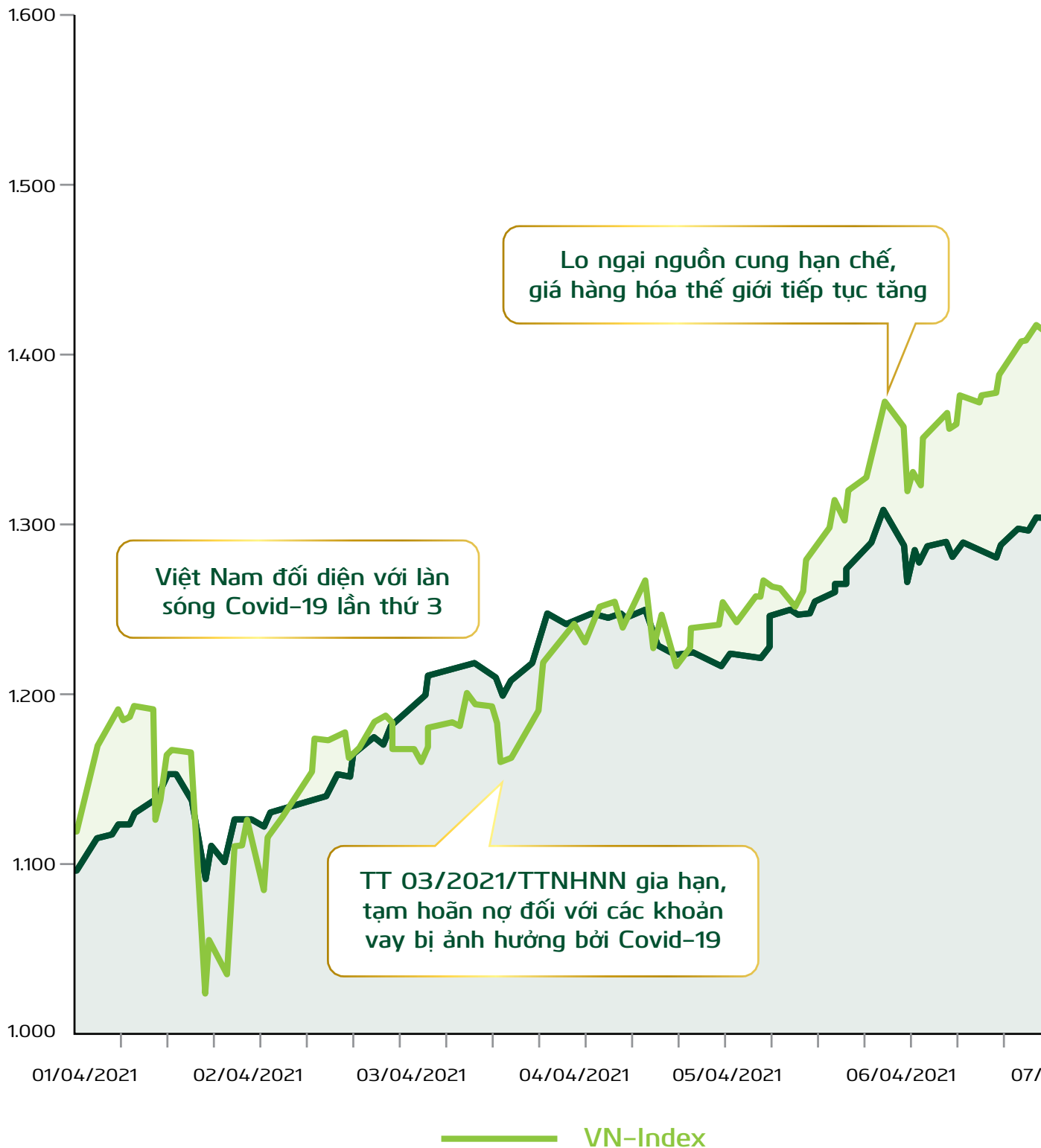


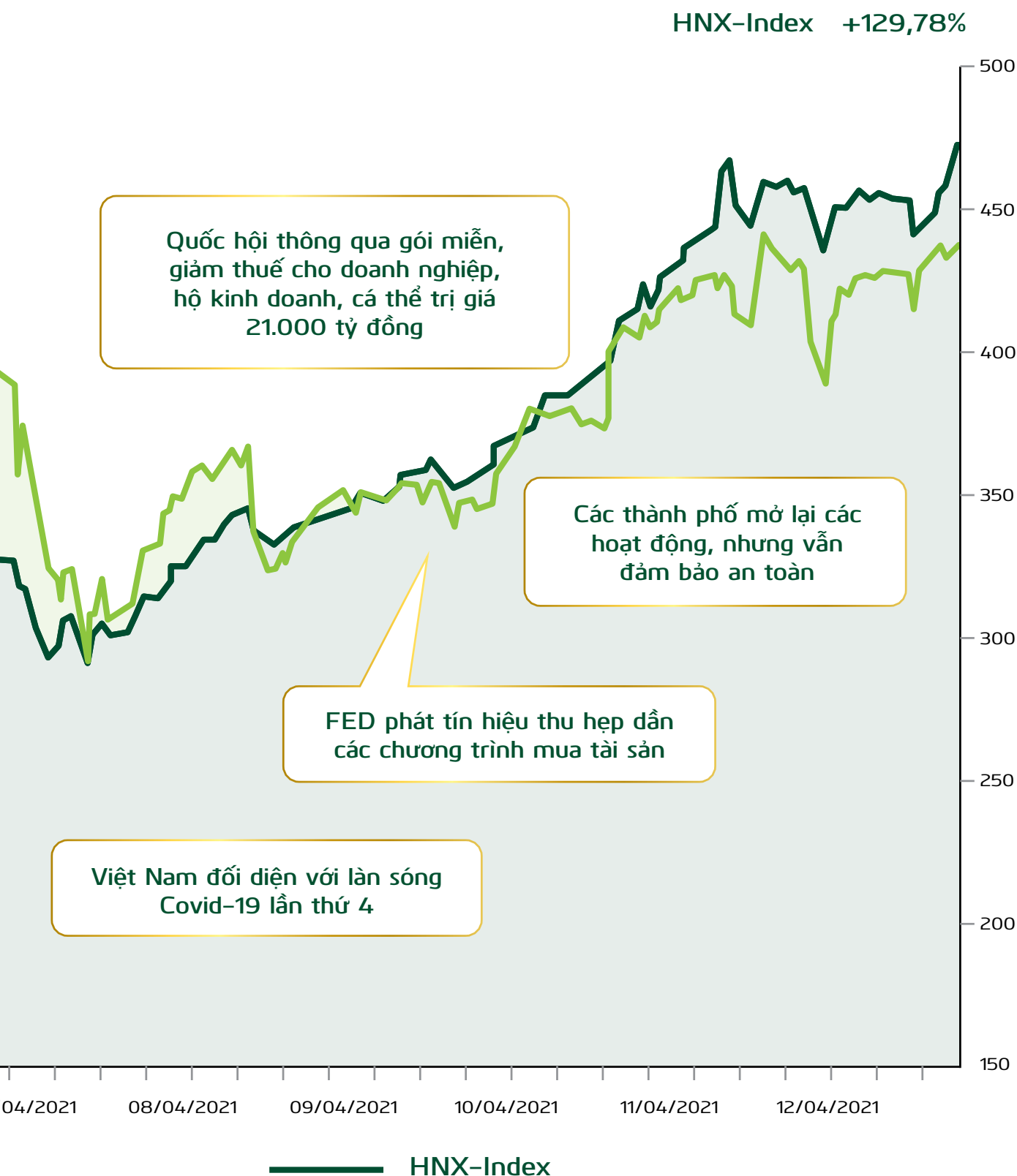
TĂNG 133.35%

Lạm phát được kiểm soát tốt, thấp hơn mục tiêu đề ra. Cụ thể, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2021 tăng 1,84%, thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Thị trường ngoại hối và tỷ giá ổn định, VND thậm chí có xu hướng lên giá so với đồng USD. Lãi suất huy động giảm và ổn định ở mức thấp, tạo tiền đề thuận lợi cho NHTM giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

Trên thị trường chứng khoán, các yếu tố nền tảng kể trên đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng của thị trường trong năm 2021. Chỉ số VN-Index đã duy trì đà tăng tích cực trong năm 2021 và chính thức vượt mốc 1.500 điểm vào ngày 25/11/2021, dù đặt trong bối cảnh Việt Nam trải qua hai làn sóng dịch Covid-19 nghiêm trọng tại thời điểm cuối tháng 01/2021 và tháng 05/2021. Nhìn chung, dòng tiền vẫn liên tục đổ vào thị trường, cho thấy nhà đầu tư vẫn có niềm tin nhất định vào triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam với kỳ vọng dịch bệnh sẽ được khống chế và kinh tế dần hồi phục sau đó. Kết thúc năm 2021, VN-Index ghi nhận mức tăng 35.73% so với thời điểm đầu năm và đạt 1498.28 điểm, HNX-Index tăng 133.35% và đạt 473.99 điểm.

VN-Index +33,72%





Mặc dù tình hình chung là tích cực, song môi trường kinh doanh không phải là thuận lợi với tất cả các công ty. Cụ thể, việc nghẽn lệnh trên HOSE trong 2 quý đầu năm đã khiến cho thanh khoản bị tắc nghẽn nặng nề, các sự cố về hạ tầng liên tục diễn ra khiến cho các CTCK gặp khó khăn trong việc giải quyết với khách hàng. Sau khi HOSE hoàn thiện lại hệ thống giao dịch, thị trường bước vào giai đoạn khát vốn (margin), khi nhu cầu vay tăng vọt. Theo đó, những công ty có vốn nhỏ và trung bình gặp bất lợi khi phải cạnh tranh với những công ty hàng đầu với quy mô lớn và gia tăng vốn liên tục.

Chỉ số VN-Index tăng trưởng trong sự phân hóa của các nhóm ngành kéo theo đó là sự phân hóa trong KQKD của các công ty chứng khoán. Các công ty bán lẻ thị phần cao hầu hết ghi nhận tăng trưởng mạnh trong doanh thu môi giới và từ cho vay, nhưng ghi nhận chững ở mảng đầu tư. Trong khi đó, những công ty có định hướng bán buôn với nguồn lực con người trong đội ngũ phân tích và giao dịch vẫn duy trì được tăng trưởng cao trong mảng này, mang lại ROE lớn. Trong bối cảnh đó, với sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo Vietcombank, Ban lãnh đạo Công ty, VCBS vẫn tiếp tục duy trì được vị thế của công ty trên thị trường và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh.





Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì đã có thành tích trong việc xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020.

DOANH THU NĂM 2021 ĐẠT GẦN

1.347 TỶ ĐỒNG

HOÀN THÀNH 190% KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT

729 TỶ ĐỒNG

HOÀN THÀNH 257% KẾ HOẠCH

Với những thành tích và đóng góp tích cực của VCBS trên thị trường chứng khoán, Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng bằng khen cho VCBS đã có thành tích trong việc xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2018 - 2020; Đảng bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tặng bằng khen Đảng bộ Công ty Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam vinh danh Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG NĂM 2021

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VIETCOMBANK CHỦ TỊCH HĐQT
BÀ HOÀNG DIỄM THÙY	THÀNH VIÊN HĐQT
ÔNG LÊ MẠNH HÙNG	THÀNH VIÊN HĐQT GIÁM ĐỐC
ÔNG LƯU TUẤN LINH	THÀNH VIÊN HĐQT (từ 21/12/2021)
ÔNG LÊ VIỆT HÀ	PHÓ GIÁM ĐỐC
ÔNG TRẦN VIỆT HÙNG	PHÓ GIÁM ĐỐC
ÔNG ĐỖ THANH PHONG	PHÓ GIÁM ĐỐC
BÀ NGUYỄN THÚY QUỲNH	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
BÀ LÊ THỊ NGỌC TRÂM	KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VIETCOMBANK
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Vietcombank, Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty Tài chính Việt Nam tại Hongkong – VFC, Chủ tịch Hội đồng Thành viên VCBS. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Đại học New South Wales, Úc.



Bà HOÀNG DIỄM THÙY
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Hoàng Diễm Thùy hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh vốn Hội sở chính Vietcombank, Ủy viên Hội đồng Thành viên VCBS. Bà Hoàng Diễm Thùy nhận bằng MBA do trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trung tâm Đào tạo về Quản lý Pháp – Việt (CFVG) tổ chức.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (tiếp theo)

**Ông LÊ MẠNH HÙNG**

THÀNH VIÊN HĐQT – GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại trường Đại học California State – East Bay (USA).

**Ông LƯU TUẤN LINH**

THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Lưu Tuấn Linh bắt đầu công tác tại VCB từ năm 2006. Với nhiều năm kinh nghiệm trong mảng Kinh doanh vốn Vietcombank Trụ sở chính, ông Lưu Tuấn Linh từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Ban chiến lược và Thư ký Tổng hợp Vietcombank trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên HĐQT VCBS. Ông Lưu Tuấn Linh nhận bằng Tiến sĩ tại Học viện Tài chính – Ngân hàng.

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông LÊ MẠNH HÙNG

THÀNH VIÊN HĐQT – GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại trường Đại học California State – East Bay (USA).



Ông LÊ VIỆT HÀ

PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Việt Hà từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Lê Việt Hà tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Học viện Ngân hàng và nhận bằng Cử nhân Luật tại Đại học Luật Hà Nội.

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG (tiếp theo)



Ông TRẦN VIỆT HUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Trần Việt Hưng đã có nhiều năm công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Ông Trần Việt Hưng từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý Tài sản nợ – Tài sản có Trụ sở chính Vietcombank, Trưởng phòng Kinh doanh vốn & Trái phiếu VCBS trước khi được bổ nhiệm vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Trần Việt Hưng nhận bằng Cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại tại trường Đại học Ngoại thương.



Ông ĐỖ THANH PHONG
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Đỗ Thanh Phong đã có quá trình công tác lâu dài tại VCBS từ năm 2012, ông có nhiều năm giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư Hội sở chính trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Đỗ Thanh Phong nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Latrobe – Úc.



Bà NGUYỄN THÚY QUỲNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh có nhiều năm công tác tại VCBS, từng giữ một số vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát VCBS. Bà Nguyễn Thúy Quỳnh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Bà LÊ THỊ NGỌC TRÂM
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Lê Thị Ngọc Trâm có quá trình công tác lâu dài tại VCBS, từng giữ các vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi bổ nhiệm vào vị trí Kế toán trưởng. Bà Lê Thị Ngọc Trâm tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tổng số lao động của VCBS tính đến 31/12/2021 là 306 người. Với phương châm, con người là tài sản quý nhất trong hoạt động kinh doanh, VCBS luôn chú trọng việc đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của Công ty.



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA VCBS

TÍNH ĐẾN 31/12/2021

306

NGƯỜI



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2021, Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư tài chính an toàn và hiệu quả như đầu tư vào các Trái phiếu Chính phủ, Hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu Doanh nghiệp của các tổ chức tài chính uy tín. Công ty cũng thúc đẩy việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

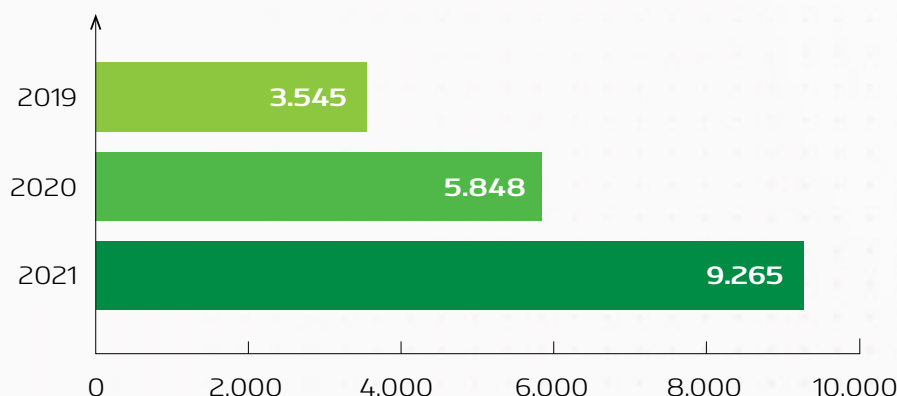
Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	%
Tổng giá trị tài sản	5.848.015.317.643	9.265.206.893.478	158%
Doanh thu thuần	679.962.265.572	1.346.952.471.815	198%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	323.322.255.777	729.236.689.197	226%
Lợi nhuận khác	376.272.799	95.357.724	25%
Lợi nhuận trước thuế	323.698.528.576	729.332.046.921	225%
Lợi nhuận sau thuế	261.792.610.810	585.973.822.366	224%

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

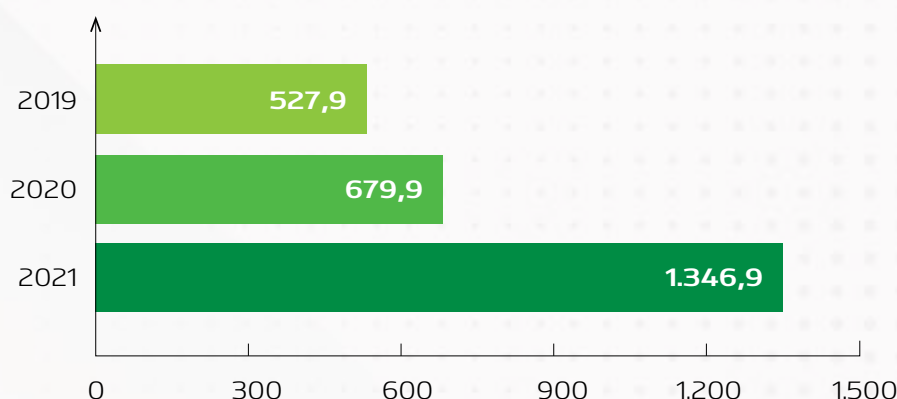
Đơn vị: Tỷ đồng



9.265

DOANH THU THUẦN

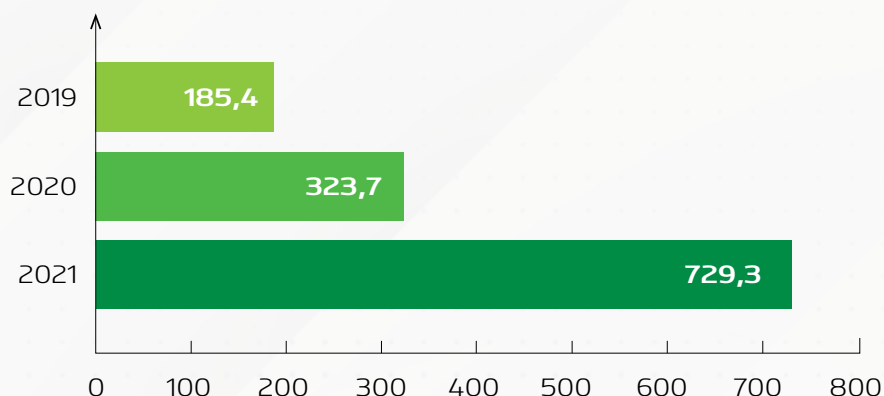
Đơn vị: Tỷ đồng



1.346,9

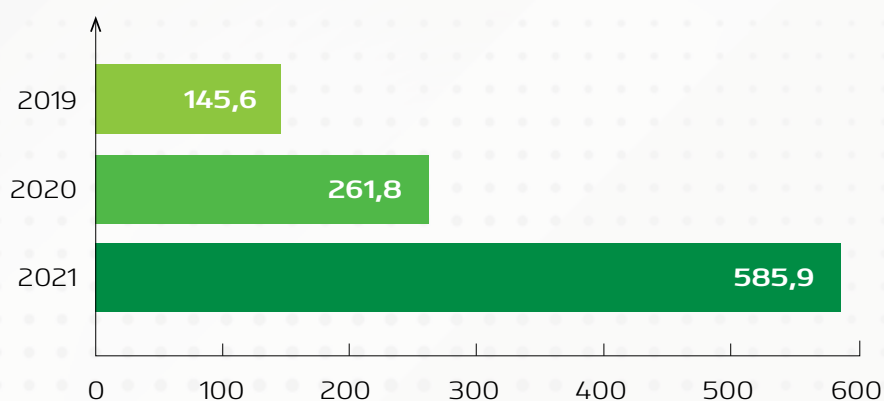
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Đơn vị: Tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: Tỷ đồng



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2020	2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	144,2%	134,4%
+ Hệ số thanh toán nhanh	144,2%	134,4%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	69,1%	74,4%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	223,8%	290,7%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

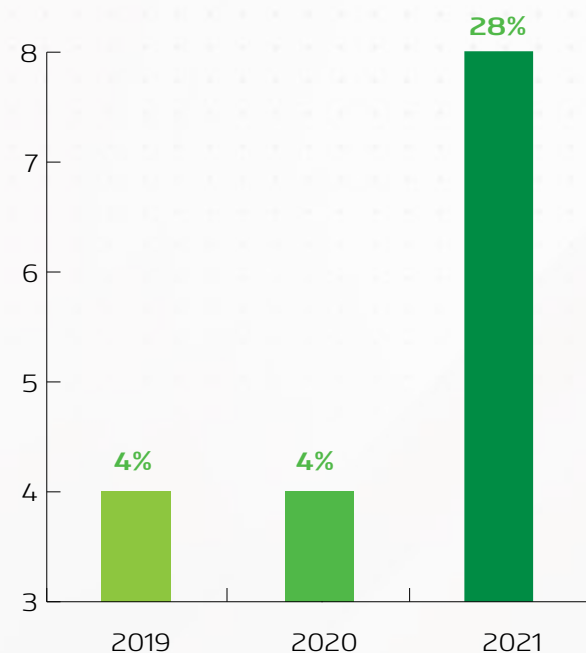
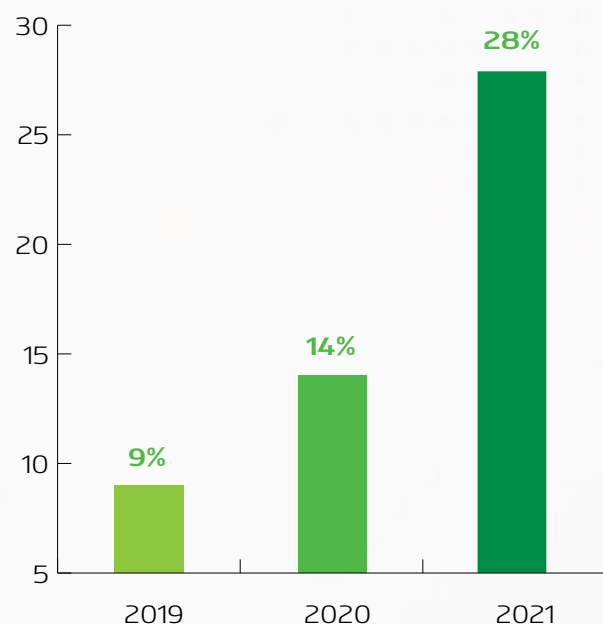
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	11,6%	14,5%
------------------------------	-------	-------

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	39%	44%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14%	28%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4%	8%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	48%	54%

ROE**ROA**

Đơn vị: %

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

VCBS là công ty TNHH MTV với 100% vốn đầu tư từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Trong năm 2021, VCBS không có sự thay đổi nào về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

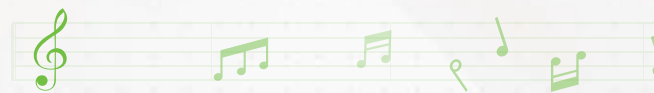
VCBS luôn thực hiện tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Cùng với đó, VCBS luôn hiểu được tầm quan trọng của việc tăng cường nhận thức của người lao động về các sáng kiến để bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động truyền thông và đào tạo. Các hoạt động, định hướng văn phòng “xanh” luôn được người lao động hưởng ứng một cách nhiệt tình: làm xanh không gian làm việc, thực hiện số hóa hệ thống văn bản thông qua hệ thống văn phòng điện tử để hạn chế việc sử dụng giấy và mực in... Thông qua các chương trình ý nghĩa này, từng thành viên của VCBS ngày càng đoàn kết và chung sức hướng tới sự phát triển chung của Công ty.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



VCBS là nơi đã và đang tạo dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn được đào tạo bài bản theo đúng các chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng, Luật, cùng với đó là các chứng chỉ như CPA, ACCA, CFA, các chứng chỉ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định...



Các chuyên gia của VCBS đều có thời gian công tác lâu năm tại các Ngân hàng đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Công ty tư vấn... hàng đầu ở trong và ngoài nước. Năm 2021, VCBS tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động theo quy chuẩn mô hình Ngân hàng đầu tư quốc tế; Thành lập các bộ phận mới nhằm gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu cho Công ty, cung cấp cho khách hàng nhiều sản phẩm, tiện ích tạo tiền đề để Công ty phát triển bền vững.

Cùng với việc duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, VCBS cũng luôn đóng góp một phần sức lực và tạo cơ hội cho các thế hệ sinh viên trẻ được tiếp cận và trải nghiệm thực tế trong môi trường tài chính chuyên nghiệp, qua đó các bạn sinh viên được trau dồi thêm kiến thức, nâng cao hơn nữa trình độ của bản thân.

Trong nhiều năm qua, VCBS là đơn vị đồng tổ chức cũng như là nhà tài trợ cho cuộc thi I-INVEST! do

Trường Đại học Ngoại Thương tổ chức – một cuộc thi dành cho sinh viên khối kinh tế lớn nhất miền Bắc. Qua các cuộc thi, VCBS cũng đã tiếp nhận các thí sinh vào thực tập và làm việc chính thức tại Công ty. VCBS nhận thấy rằng cùng với những nền tảng kiến thức được học tập trên ghế nhà trường, sau khi có cơ hội tham gia trải nghiệm trong môi trường công việc thực tế các sinh viên sẽ trở nên tự tin và nhận thức rõ ràng về định hướng sự nghiệp của mình. Các thế hệ sinh viên trẻ được đào tạo bài bản sẽ trở thành nguồn nhân lực tốt góp phần phát triển ngành chứng khoán trong tương lai.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG



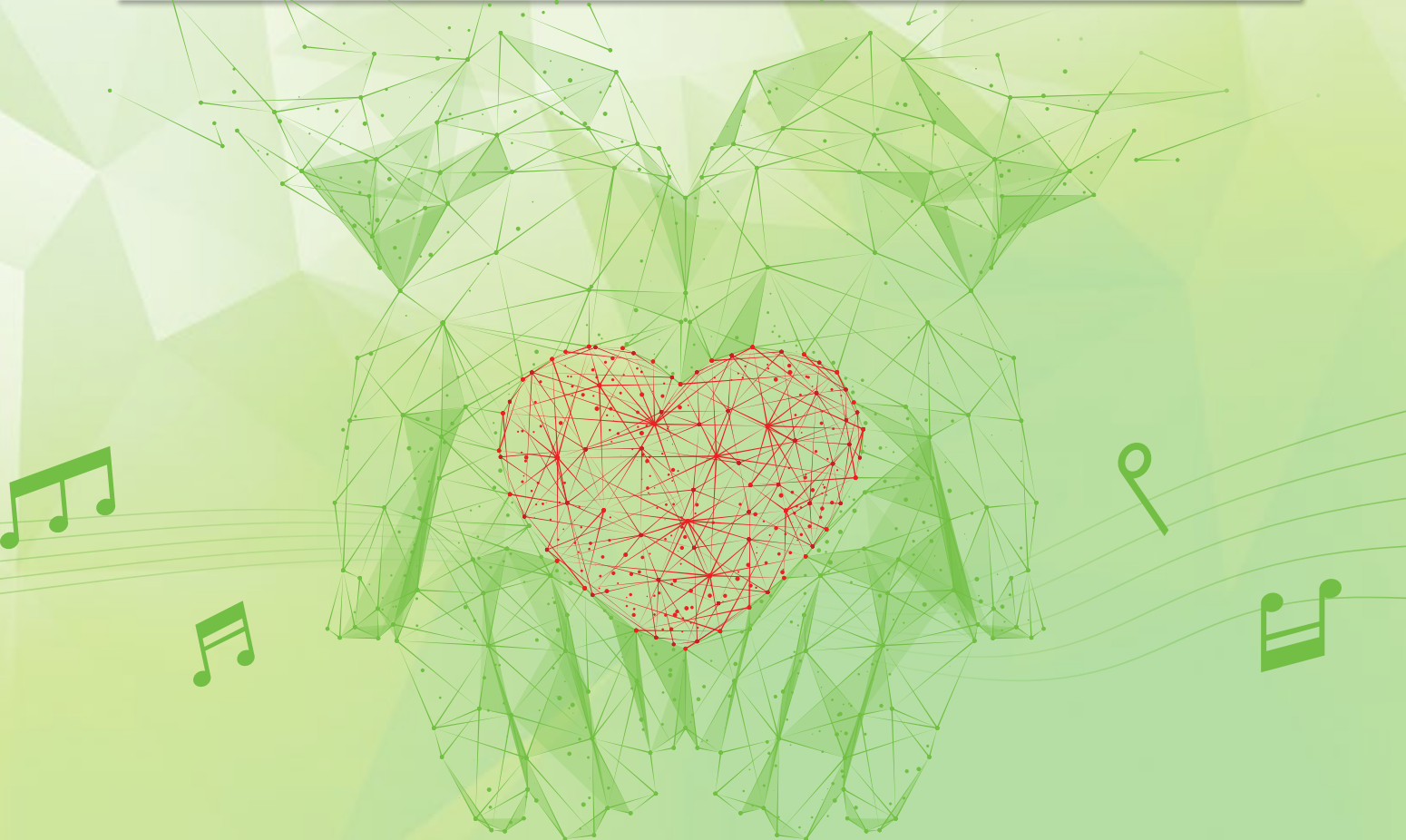
Thực hiện theo mục tiêu xuyên suốt của Ngân hàng mẹ – Vietcombank là hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của VCBS không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.



UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Định kỳ hàng năm cứ đến ngày 27/7, VCBS tổ chức thực hiện tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ có con em là cán bộ công tác trên toàn hệ thống. Đây không chỉ là ngày VCBS ghi nhớ công ơn của các anh hùng liệt sỹ, những thương binh đã anh dũng chiến đấu với giặc để giành lại độc lập tự do cho dân tộc, mà còn là dịp để VCBS có thể giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc, và giúp cho thế hệ trẻ hiểu được công ơn to lớn của những anh hùng liệt sỹ, những thương binh, cựu chiến binh.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)





CHUNG TAY VÌ NGƯỜI NGHÈO

Liên tục duy trì và bồi đắp cho truyền thống văn hóa, chung tay góp sức vì cộng đồng... Năm 2021, VCBS thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện, các chương trình hoạt động nhân đạo như: Thực hiện chương trình thiện nguyện "Vietcombank chung tay vì người nghèo – không ai bị bỏ lại phía sau" với giá trị 146 triệu đồng, chương trình "Triệu túi an sinh" với giá trị 139 triệu đồng, chương trình "Chung tay chia sẻ, mua thẻ BHYT cho người nghèo" với giá trị 205 triệu đồng, chương trình "VCBS chung tay hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng Covid-19" với giá trị 74 triệu đồng, chương trình "Cho đi là còn mãi" dành cho những mảnh đời và hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP.HCM với giá trị 38 triệu đồng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ

Năm 2021, tập thể VCBS đã thực hiện phát động quyên góp ủng hộ công tác phòng và chữa bệnh Covid-19 bùng phát tại Bắc Giang thông qua “Chương trình Ủng hộ Bắc Giang chiến thắng Covid-19” với tổng giá trị thực hiện 150 triệu đồng; Chương trình “Đồng hành cùng Sài Gòn cung cấp bữa ăn miễn phí” trao tặng 5.000 suất ăn cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, các bác sỹ nhân viên y tế tại các bệnh viện điều trị Covid-19 với giá trị 124 triệu đồng...; Tham gia các Ngày hội hiến máu do các đơn vị Vietcombank, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Đoàn khối Doanh nghiệp TW đăng cai tổ chức, tổng cộng được 55 đơn vị máu.





ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

VCBS hiểu rõ và ý thức được việc tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường. Với mong muốn góp phần tạo ra cơ sở vật chất dành cho trẻ em vùng cao, VCBS đã chung tay xây dựng trường bán trú cho trẻ em dân tộc xã Nậm Ban, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang với giá trị ủng hộ gần 124 triệu đồng. Đồng thời ủng hộ cho Trường Tiểu học Nậm Ban 350 suất đồ dùng học tập với giá trị ủng hộ 20 triệu đồng. Đặc biệt, VCBS đã cùng một số đơn vị tài trợ hoàn thành dự án xây cầu qua suối Tà Nghè, thôn Nà Mô, xã Địa Linh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn nhằm khắc phục thiên tai tạo điều kiện cho người dân và trẻ nhỏ nơi đây có điều kiện sinh hoạt và học tập tốt hơn với giá trị ủng hộ 475 triệu đồng.



**BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG
THỊ TRƯỜNG VỐN XANH:** Không phát sinh

Giữ trọn Niềm tin Trọn vẹn chữ tín

Đồng hành cùng thị trường chứng khoán Việt Nam ngay từ những ngày đầu, VCBS hiện đã gây dựng được uy tín và vị thế vững mạnh trên thị trường, khi nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế.





**KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC
THÀNH TỰU NỔI BẬT**





**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CÓ
THỊ PHẦN MÔI GIỚI
TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT.**



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CÓ
THỊ PHẦN ĐẦU THẦU GIAO DỊCH
TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ LỚN NHẤT.**

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (tiếp theo)**CHUYÊN NGHIỆP VÀ TẬN TÂM**

Với đội ngũ chuyên gia được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên sâu và giàu kinh nghiệm phục vụ cho nhóm khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, VCBS luôn tận tâm, đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu cùng với sự tuân thủ đạo đức nghề nghiệp ở mức cao nhất.

Năm 2021, dưới tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 trên toàn cầu nói chung và tình hình trong nước nói riêng, VCBS đã chủ động thích ứng, đẩy mạnh sử dụng các công cụ trao đổi trực tuyến để việc liên lạc, trao đổi, thông tin và hỗ trợ khách hàng được liên tục. Linh hoạt và tích cực tổ chức các chương trình gặp gỡ trực tuyến định kỳ và bất thường, nhằm cung cấp thông tin về thị trường, giới thiệu cơ hội đầu tư đến các tổ chức trong và ngoài nước. Qua đó tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng và đối tác trên toàn cầu bất chấp dịch bệnh khiến hoạt động gặp gỡ khách hàng bị gián đoạn.

Các sự kiện tiêu biểu năm 2021 có thể kể đến như:

Tháng 4	Virtual Corporate Access Tour Quý 1, 2021
Tháng 6	One-On-One Strategy Presentation Tour, giữa năm 2021
Tháng 7	Virtual Corporate Access Tour Quý 2, 2021
Tháng 10	Virtual Corporate Access Tour Quý 3, 2021
Tháng 12	One-On-One Strategy Presentation Tour, kết thúc năm 2021
Tháng 12	Virtual Corporate Access Tour Quý 4, 2021

Trong đó chuỗi sự kiện Virtual Corporate Access Tour là các chuyến tham quan online được tổ chức bài bản và chuyên nghiệp đến hơn 30 doanh nghiệp trong các lĩnh vực: Ngân hàng, Bán lẻ & Tiêu dùng; Vận tải; Bất động sản & Khu công nghiệp; Dược phẩm; Nông nghiệp; Xây dựng..., mang đến Nhà đầu tư tổ chức cơ hội được tiếp xúc với các nhà lãnh đạo Doanh nghiệp, hiểu biết hơn về hoạt động kinh doanh cũng để nhìn thấy các cơ hội ở các doanh nghiệp được VCBS đánh giá tiềm năng.

Bên cạnh đó, VCBS cũng không ngừng cập nhật về thị trường vĩ mô, trái phiếu, cổ phiếu cũng như các cơ hội đầu tư qua hơn 50 buổi họp trong chuỗi sự kiện One-on-One Strategy Presentation được tổ chức định kỳ 2 lần 1 năm, xen kẽ các buổi trao đổi không định kỳ theo yêu cầu của các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước.

Khép lại năm 2021, chuỗi sự kiện "Strategy Presentation Tour" đã mang lại cho các nhà đầu tư bức tranh toàn cảnh về thị trường năm 2021 và tầm nhìn 2022, đóng góp hiệu quả vào các quyết định và định hướng của Nhà đầu tư trong năm 2022.

ĐỐI TÁC TIN CẬY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Về mảng cổ phiếu, mặc dù chịu tác động từ Covid-19, nhưng giá trị giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn của khách hàng tổ chức tại VCBS vẫn tăng trưởng 15% so với năm 2020. Cũng trong năm 2021, VCBS đã tư vấn, hỗ trợ các tổ chức nước ngoài đầu tư hàng nghìn tỷ đồng vào thị trường Việt Nam.

Về mảng trái phiếu, VCBS nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu Doanh nghiệp lớn nhất, đứng 2 thị phần đầu thầu và môi giới Trái phiếu Chính phủ. Bộ phận Khách hàng Tổ chức cũng đã phối hợp phân phối thành công hàng nghìn tỷ đồng Trái phiếu Doanh

Nghiệp (Điện gió Hồng Phong 1A, Greenfeed,...) với các nhà đầu tư là các định chế tài chính nước ngoài uy tín trên thị trường Việt Nam.

Không ngừng ở đó, VCBS còn thường xuyên nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm cung cấp nền tảng tương tác và giao dịch hiện đại, nhanh chóng, độ chính xác cao và phù hợp cho cả khách hàng trong và ngoài nước. VCBS không ngừng học hỏi và ứng dụng các công nghệ tương hỗ hệ thống báo cáo chuyên sâu nhằm mang lại cho khách hàng dịch vụ chuyên nghiệp, thông tin đa dạng, chính xác và cập nhật nhất.



KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

THÀNH TỰU NỔI BẬT



Thực hiện **Tư vấn và đại lý phát hành thành công 4.000 tỷ đồng**

trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB), với mục đích để tăng vốn cấp 2 nhằm bổ sung nguồn vốn hoạt động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn của VCB phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, việc phát hành trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của VCB, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Thực hiện **Tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng**

trái phiếu Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam. Trái phiếu có kỳ hạn 07 năm với lãi suất cố định và được Công ty Tài chính Quốc tế - International Finance Corporation ("IFC"), một thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới - World Bank Group mua toàn bộ.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NĂM 2021





Trên đà tăng trưởng mạnh mẽ của năm 2020, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2021 của VCBS tiếp tục gặt hái nhiều thành tựu đáng ghi nhận, giúp khẳng định và mở rộng vị thế của VCBS trên thị trường tài chính Việt Nam.

Với kinh nghiệm dày dặn và am hiểu chuyên sâu, VCBS đã ký kết và triển khai thành công nhiều thương vụ cho các tổ chức có quy mô lớn và vừa thuộc các loại hình và lĩnh vực hoạt động khác nhau. Cụ thể:

Đối với dịch vụ Tư vấn và bảo lãnh/đại lý Trái phiếu Doanh nghiệp, VCBS đã thực hiện phát hành thành công gần 8.000 tỷ đồng bao gồm các doanh nghiệp như Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, CTCP Greenfeed Việt Nam, CTCP Tập đoàn Hateco, CTCP Đầu tư Văn Phú – Invest, CTCP Hưng Thịnh Land, Tổng công ty Đông Bắc,... Việc thu xếp thành công nhiều giao dịch phát hành trái phiếu với khối lượng lớn, sản phẩm đa dạng đã tiếp tục khẳng định năng lực của VCBS trong việc cung cấp dịch vụ Ngân hàng đầu tư, là người đồng hành của doanh nghiệp trong việc tìm kiếm và thu xếp các nguồn vốn trung và dài hạn với lãi suất cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của khách hàng. Đối với các nhà đầu tư, VCBS là một thương hiệu tin cậy để giới thiệu các cơ hội đầu tư chất lượng, hiệu quả và chuyên nghiệp.



Về hoạt động Tư vấn tài chính truyền thống (Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; Tư vấn chào bán cổ phiếu; Tư vấn niêm yết, v.v...): VCBS tiếp tục mở rộng vị thế với các nghiệp vụ Tư vấn truyền thống, vốn vẫn là thế mạnh của Công ty nhằm cung cấp một dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp đầy đủ và đa dạng khi khách hàng có nhu cầu. Trong năm 2021, VCBS đã thực hiện thành công một số thương vụ như: Tư vấn quản trị doanh nghiệp CTCP Dược Medipharco và CTCP Sợi Phú Bài; Tư vấn phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex, CTCP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên; Tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi; Tư vấn chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cho Tổng công ty Phát điện 3,...

Đối với hoạt động tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn cho các Tập đoàn, Doanh nghiệp nhà nước, mặc dù năm 2021 là một năm chững lại của hoạt động này đối với toàn bộ thị trường nói chung do nguyên nhân từ vướng mắc khung pháp lý và các điều kiện vĩ mô không thuận lợi, tuy vậy VCBS vẫn tư vấn thành công thương vụ thoái vốn cổ phần thuộc sở hữu của SABECO tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN VCBS CUNG CẤP CHO DOANH NGHIỆP



Với 20 năm thành lập, đồng hành cùng thị trường chứng khoán ngay từ những ngày đầu và kế thừa nền tảng tài chính vững mạnh, mạng lưới khách hàng từ Ngân hàng mẹ Vietcombank, VCBS đã nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước cũng các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế.

Đa dạng dịch vụ

Hiện nay, VCBS cung cấp đầy đủ các dịch vụ sau:

Dịch vụ tư vấn huy động vốn: Tư vấn phát hành cổ phiếu, tư vấn phát hành trái phiếu, đại lý phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Trong dịch vụ này, VCBS tự hào là một trong những công ty chứng khoán đi đầu trong các sản phẩm trái phiếu được bảo lãnh bởi tổ chức uy tín của nước ngoài với cấu trúc phức tạp và mới tại Việt Nam.

Dịch vụ tư vấn mua bán sáp nhập:

Tư vấn tìm đối tác chiến lược, tư vấn mua bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp.

Dịch vụ tư vấn khác:

Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch trên UPCOM....

Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp: Tư vấn thoái vốn, tư vấn cổ phần hóa/ chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn hoán đổi nợ - vốn cổ phần/ hoán đổi cổ phiếu của doanh nghiệp khác, tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức/ phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Gia tăng giá trị vững bền

Là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, VCBS có lợi thế kế thừa các chính sách quản trị chuyên nghiệp và nhận được sự hậu thuẫn vững chắc từ Ngân hàng mẹ về nguồn lực tài chính và mạng lưới khách hàng. Trong giai đoạn tới, với sự hỗ trợ từ Ngân hàng mẹ Vietcombank, đặc biệt là sự hợp tác có hệ thống, quy chuẩn giữa Vietcombank và VCBS, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào các mảng đem lại giá trị thặng dư lớn như tư vấn mua bán sáp nhập, bảo lãnh phát hành trái phiếu dành cho khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân, bảo lãnh phát hành cổ phiếu...

Nguồn nhân lực chất lượng cao



VCBS tự hào khi sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản theo các chuyên ngành Kinh tế – Tài chính trong và ngoài nước, sở hữu các chứng chỉ tài chính do UBCKNN cấp cũng như các chứng chỉ quốc tế như CPA, ACCA, CFA... Bên cạnh đó, đội ngũ nhân sự tư vấn tài chính doanh nghiệp của VCBS phần lớn đều có thời gian công tác lâu năm tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các định chế tài chính uy tín hàng đầu trong và ngoài nước, nhờ đó chất lượng nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm tương tác thực tế của đội ngũ cán bộ đã được thử thách, bồi đắp qua thời gian và trên rất nhiều lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp. Với định hướng cốt lõi của nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp là trí tuệ và chất xám, VCBS sẽ tiếp tục tuyển dụng cán bộ mới có trình độ chuyên sâu, cũng như không ngừng đào tạo và trau dồi đội ngũ nhân sự hiện hữu để tiếp tục nâng cao vị thế VCBS trên bản đồ thị trường chứng khoán Việt Nam.

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

THÀNH TỰU NỔI BẬT



Số lượng tài khoản mở mới đạt trên 23.000 tài khoản,

tăng trưởng 70% so với năm 2020 và nâng tổng số tài khoản giao dịch tại VCBS lên trên 163.000 tài khoản.



Hợp tác toàn diện với Vietcombank, đặc biệt chú trọng hợp tác công nghệ nhằm cung cấp các sản phẩm dịch vụ chứng khoán đến các nhà đầu tư nhanh chóng, thuận tiện.



Chính thức ra mắt ứng dụng VCBS Mobile mang đến trải nghiệm giao dịch hoàn toàn khác biệt, nhanh chóng, an toàn cho khách hàng.

VCBS MOBILE HOÀN TOÀN MỚI: THÂN TIỆN – AN TOÀN – TIỆN LỢI

VCBS chính thức ra mắt hệ thống giao dịch điện tử trên thiết bị di động VCBS Mobile vào tháng 5/2021. Đây là ứng dụng giao dịch hoàn toàn mới sử dụng công nghệ 4.0 với giao diện thân thiện, tích hợp nhiều tính năng giao dịch, tra cứu hiện đại, an toàn và bảo mật. Các tính năng nổi bật của VCBS Mobile bao gồm:

-  Giao diện chuyên nghiệp (lightmode/ darkmode)
-  Đăng nhập thông minh (mật khẩu/vân tay/faceID)
-  Thông tin biến động thị trường, giao dịch cập nhật
-  Phân tích doanh nghiệp chuyên sâu
-  Giao dịch đặt lệnh nhanh chóng
-  Tích hợp đầy đủ tất cả các dịch vụ tiện ích



Ủy thác quản lý TKGDCK

Sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản khách hàng (VCBS Privilege) dần khẳng định được niềm tin với nhà đầu tư. Năm 2021, tài khoản ủy thác tăng cả về số lượng và giá trị ủy thác. VCBS luôn chú trọng nghiên cứu, mở rộng chiến lược đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của mỗi cá nhân khách hàng. Với đội ngũ chuyên gia trực tiếp xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý tài khoản chặt chẽ, VCBS Privilege sẽ tiếp tục là sản phẩm hiệu quả dành cho khách hàng.

Hỗ trợ tài chính

Với tiềm lực tài chính cùng sự hậu thuẫn của Ngân hàng mẹ – Vietcombank, VCBS đã và đang triển khai hiệu quả bộ sản phẩm hỗ trợ tài chính (HTTC) hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư trong bối cảnh sôi động của thị trường chứng khoán. Các sản phẩm HTTC bao gồm: cho vay ký quỹ thông thường, cho vay ký quỹ ngắn hạn, ứng trước tiền bán chứng khoán.

Hợp tác toàn diện với Ngân hàng mẹ – Vietcombank

Tiếp tục định hướng phát triển hợp tác trong hệ thống Vietcombank, năm 2021 VCBS đẩy mạnh hợp tác công nghệ nhằm đưa sản phẩm dịch vụ chứng khoán đến với nhà đầu tư một cách nhanh chóng, thuận tiện. Khách hàng dễ dàng mở TKCK, nộp tiền chứng khoán cũng như giao dịch trên kênh ngân hàng điện tử VCB Digibank.



Chính sách linh hoạt dành cho từng đối tượng khách hàng

Chung sức cùng cả nước giảm thiểu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, VCBS đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi, khuyến mại, tri ân đến khách hàng đồng thời chủ động điều chỉnh giảm một số loại phí cho một số đối tượng khách hàng.

Ngoài ra, VCBS tiếp tục triển khai các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích đa dạng theo hướng áp dụng công nghệ, đơn giản thủ tục như đăng ký bán lẻ trực tuyến, đăng ký ứng trước tự động trực tuyến,...

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2021 tăng 58% so với đầu năm, chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô hoạt động đầu tư và hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ. Cơ cấu tài sản không có nhiều thay đổi khi hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch kỳ quỹ chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tài sản của Công ty. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty được cải thiện đáng kể khi Lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng trưởng 124%, cao hơn 58% mức tăng trưởng của tổng tài sản. Công ty luôn đảm bảo chất lượng các tài sản, không phát sinh các khoản phải thu xấu, tài sản xấu trong kỳ.



TỔNG TÀI SẢN TĂNG

↑ 58%



LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG

↑ 124%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng Nợ phải trả của Công ty cuối năm 2021 tăng 71% so với đầu năm, trong đó chủ yếu tăng các khoản nợ vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh thường xuyên.

Trong năm 2021, Công ty luôn đảm bảo trả tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh đúng cam kết với đối tác, không phát sinh bất kỳ trường hợp nợ xấu trong kỳ.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2021, VCBS vẫn hoạt động hiệu quả với cơ cấu Công ty TNHH MTV. Các chính sách nội bộ được cập nhật liên tục đảm bảo các hoạt động của công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời hỗ trợ cho Ban Giám đốc điều hành một cách hiệu quả.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Đối với định hướng chiến lược, Công ty hướng đến mục tiêu trở thành một trong các ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Đối với năm 2022, Công ty đặt ra mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 12% so với thực hiện năm 2021, ngoài ra Công ty cũng đề ra nhiều chương trình, giải pháp tăng cường hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nhân sự và các giải pháp khác nhằm triển khai các đề án chiến lược đã đề ra.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Như đã trình bày chi tiết tại mục 2.7, trong năm 2021, VCBS luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến môi trường và người lao động. Ban lãnh đạo Công ty luôn dành sự quan tâm và ủng hộ đối với các hoạt động vì cộng đồng do các tổ chức và đoàn thể tại địa phương phát động





Kiến tạo Giá trị Vun đắp thành công

Ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn cùng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và đầy nhiệt huyết đã giúp VCBS kiến tạo nên những giá trị bền vững, tự tin tiến bước trên con đường chinh phục mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam.



Quản trị Công ty

Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH

Phó Tổng Giám đốc Vietcombank
Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu VDL

40 %

Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ
Chủ tịch HĐQT từ ngày 05/09/2017

Bà HOÀNG DIỄM THÙY

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu VDL

20 %

Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ
Ủy viên HĐQT từ ngày 28/05/2009.



Trong năm 2021, Hội đồng Thành viên VCBS đã tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCBS trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

Ông LÊ MẠNH HÙNG

- Thành viên HĐQT
Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu VDL

20 %

- Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ Ủy viên HĐQT, Giám đốc VCBS từ ngày 15/07/2017.

Ông LƯU TUẤN LINH

- Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu VDL

20 %

- Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ Ủy viên HĐQT từ ngày 21/12/2021.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát và một (01) thành viên khác là thành viên chuyên trách, một (01) thành viên còn lại là kiêm nhiệm, thay mặt Chủ sở hữu kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong Công ty; trong tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu.

Qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong quy trình quy chế để kiến nghị Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.



TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 6-7-8, Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

☎ (+84-24) 3936 6990

🖨 (84-24) 3936 0262

Phòng giao dịch**Cát Linh**

Tầng 1, số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

☎ (84-24) 3726 5557 🖨 (84-24) 3726 5550

Hoàng Mai

Tầng 1, Tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

☎ (84-24) 3220 2345 🖨 (84-24) 3220 2346

Chương Dương

Tầng 1, Tòa nhà PTP Building, số 564 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

☎ (+84-24) 3678 7047 🖨 (+84-24) 3675 6042

Trung Hòa Nhân Chính

Tầng 1, lô 3 ô 4.1 cc đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

☎ (84-24) 3219 1050 (ext: 100) 🖨 (84-24) 3219 1048

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 1 & 7, Toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3820 8116

🖨 (84-28) 3820 8117

Phòng giao dịch**Kỳ Đồng**

Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Kỳ Đồng, số 13-13 Bis Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (+84-24) 3678 7047 🖨 (+84-24) 3675 6042

Đông Sài Gòn

số 227 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (+84-28) 6286 1111

Nam Sài Gòn

Tầng 3, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, số 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3775 1409 🖨 (84-28) 3775 1416

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

☎ (84-236) 3888 991

🖨 (84-236) 3888 881

Văn phòng đại diện**Cần Thơ**

Tầng lửng, số 3-5-7 Hòa Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

☎ (84-292) 3750 888 🖨 (84-292) 3750 878

Đồng Nai

Tầng 1 và tầng 2, số 79 đường Hưng Đạo Vương, khu phố 4, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

☎ (84-251) 3 918 815 🖨 (84-251) 3918 817

Vũng Tàu

Lầu 2 & Tầng trệt, số 27 đường Lê Lợi, phường 4, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

☎ (84-254) 3513 978 🖨 (84-254) 3513 979

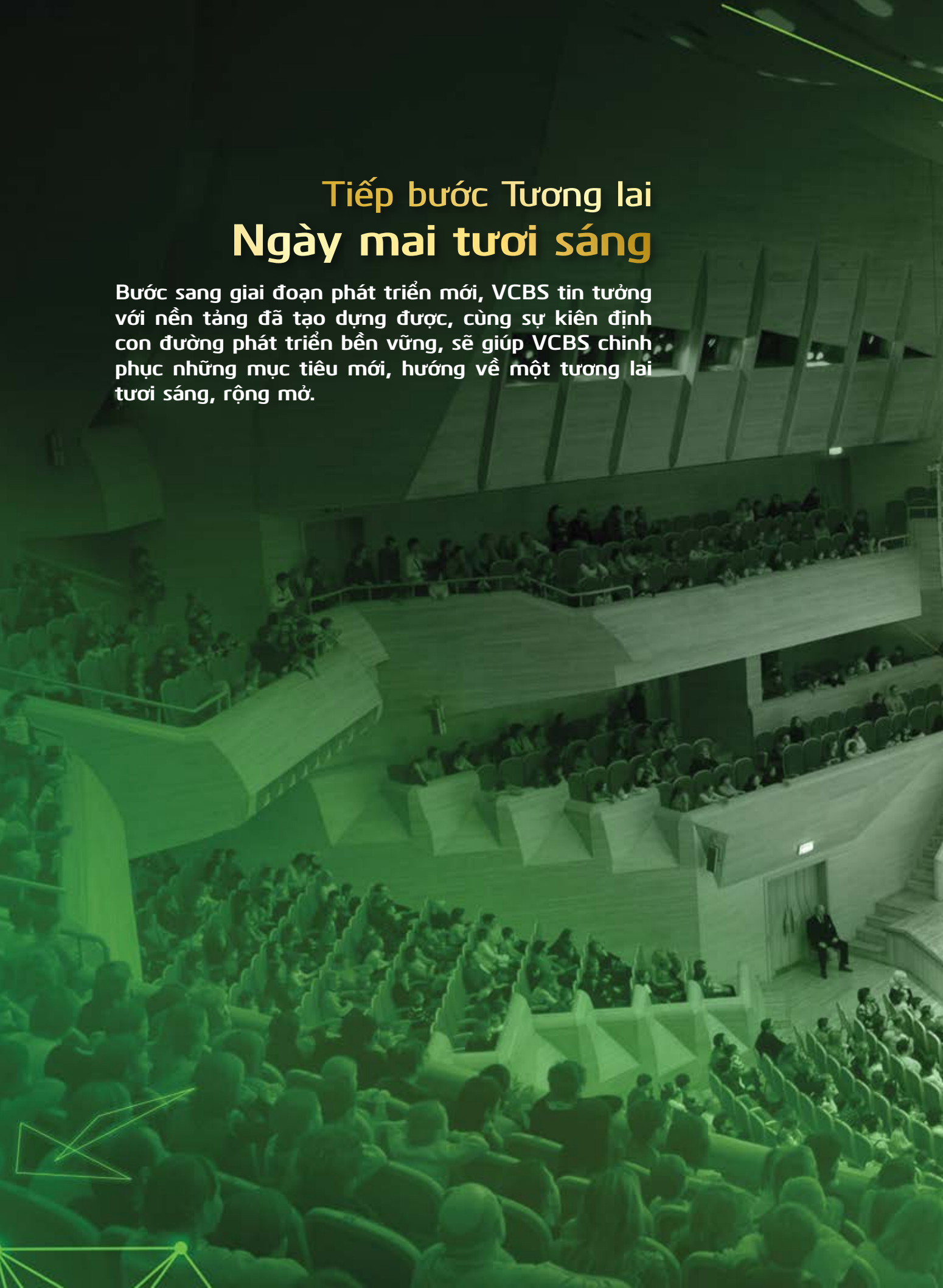
Hải Phòng

Tầng 2, tòa nhà Akashi tại thửa đất số 10, Lô 2A, Khu đô thị mới Ngã năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

☎ (+84-225) 382 1634 🖨 (+84-225) 382 1633

Tiếp bước Tương lai Ngày mai tươi sáng

Bước sang giai đoạn phát triển mới, VCBS tin tưởng với nền tảng đã tạo dựng được, cùng sự kiên định con đường phát triển bền vững, sẽ giúp VCBS chinh phục những mục tiêu mới, hướng về một tương lai tươi sáng, rộng mở.





Giấy phép Thành lập và Hoạt động

09/GPHĐKD

ngày 24 tháng 4 năm 2002

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

0104000069

ngày 24 tháng 4 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2021.

Hội đồng Thành viên

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Chủ tịch

Bà Hoàng Diễm Thùy

Thành viên

Ông Lê Mạnh Hùng

Thành viên

Ông Lưu Tuấn Linh

Thành viên (từ ngày 21/12/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Trưởng ban

Bà La Thị Hồng Minh

Thành viên

Bà Trần Kim Vân

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Hùng

Giám đốc

Ông Lê Việt Hà

Phó Giám đốc

Ông Trần Việt Hưng

Phó Giám đốc

Ông Đỗ Thanh Phong

Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank

Số 198 Trần Quang Khải

Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- » báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- » tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2022

KÍNH GỬI CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2022 được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00143-22-3



Đoàn Thanh Toàn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3073-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2022

Lê Nhật Vương
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Mẫu B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		9.219.965.093.253	5.800.061.291.477
I. Tài sản tài chính	110		9.211.264.854.795	5.798.006.867.128
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	231.115.240.121	13.602.282.946
1.1. Tiền	111.1		231.115.240.121	13.602.282.946
2. Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	4.370.549.649.779	3.788.481.310.252
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	113	7(b)	100.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	7(d)	4.226.097.579.905	1.673.902.959.274
5. Các TSTC sẵn sàng để bán ("AFS")	115	7(d)	109.006.564.986	7.913.262.000
7. Các khoản phải thu	117	8	147.848.159.086	95.122.786.116
7.1. Phải thu bán các TSTC	117.1		34.175.342.5	2.777.724.100
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	117.2		147.506.405.661	92.345.062.016
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		147.506.405.661	92.345.062.016
8. Trả trước cho người bán	118		910.435.000	1.429.554.500
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	9	19.127.128.509	6.504.568.211
12. Các khoản phải thu khác	122	10	10.630.350.933	214.939.337.874
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(4.020.253.524)	(3.889.194.045)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		8.700.238.458	2.054.424.349
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		284.947.300	167.133.736
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	8.195.858.015	1.886.990.613
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		300.000	300.000
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		219.133.143	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		45.241.800.225	47.954.026.166
II. Tài sản cố định	220		8.376.892.175	12.238.439.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.273.695.287	9.464.917.154
- Nguyên giá	222		56.996.785.339	55.081.055.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(49.723.090.052)	(45.616.138.714)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.103.196.888	2.773.522.416
- Nguyên giá	228		29.677.353.051	28.405.353.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(28.574.156.163)	(25.631.830.635)
V. Tài sản dài hạn khác	250		36.864.908.050	35.715.586.596
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		3.346.443.135	4.063.201.255
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	3.518.464.915	1.652.385.341
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	16	20.000.000.000	20.000.000.000
5. Tài sản dài hạn khác	255		10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.265.206.893.478	5.848.015.317.643

Mẫu B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		6.893.752.257.666	4.042.139.161.313
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.857.814.796.922	4.022.572.463.414
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	17	5.965.065.708.305	2.716.230.093.141
1.1. Vay ngắn hạn	312		5.965.065.708.305	2.716.230.093.141
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	68.300.000.000
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	12.277.468.078	7.614.738.873
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	2.832.275.481	1.056.208.319
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		145.600.000	465.600.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	62.607.419.367	30.569.795.581
11. Phải trả người lao động	323		39.746.157.957	30.719.211.195
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		716.719	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	13.909.980.100	4.411.298.961
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		246.821.918	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		5.240.000	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.723.951.628	332.535.919
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		8.559.575.337	15.574.275.721
20. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	332		750.693.882.032	1.147.298.705.704
II. Nợ phải trả dài hạn	340		35.937.460.744	19.566.697.899
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	15	35.937.460.744	19.566.697.899
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.371.454.635.812	1.805.876.156.330
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.371.454.635.812	1.805.876.156.330
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		653.251.989	(221.390.400)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		56.904.588.310	34.288.937.875
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		98.839.314.270	76.223.663.835
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		30.762.096.449	30.762.096.449
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.184.295.384.794	664.822.848.571
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.039.572.298.041	589.310.155.147
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		144.723.086.753	75.512.693.424
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		9.265.206.893.478	5.848.015.317.643

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		174.689.225	174.689.225
8. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") của CTCK	008	22(a)	192.743.590.000	155.716.280.000
9. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của CTCK	009	22(b)	3.340.000	20.000
10. TSTC chờ về của CTCK	010	22(c)	-	50.000.000
12. TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của CTCK	012	22(d)	50.201.140.000	61.327.190.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư	021	22(e)	48.402.799.680.000	49.316.548.260.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		37.458.464.400.000	37.828.581.850.000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		426.971.060.000	391.043.490.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		9.830.124.350.000	10.237.614.530.000
d. TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		145.180.000	145.160.000
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		687.094.690.000	859.163.230.000
2. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	22(f)	174.216.000.000	72.748.490.000
a. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		157.507.900.000	70.773.900.000
b. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		16.708.100.000	1.974.590.000
3. TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023	22(g)	246.887.650.000	354.471.610.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		4.620.119.696.373	4.418.690.736.407
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	22(h)	2.812.284.490.557	3.378.039.377.709

Mẫu B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	22(h)	1.776.789.463.950	1.016.277.126.642
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	22(h)	3.960.882.013	3.953.704.157
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		2.329.447.031	2.325.297.819
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.631.434.982	1.628.406.338
7.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030	22(i)	27.084.859.853	20.420.527.899
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	22(j)	4.593.391.500.113	4.400.128.841.016
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		3.740.501.451.594	2.760.163.448.414
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		852.890.048.519	1.639.965.392.602
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	22(k)	26.728.196.260	18.561.895.391

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Người lập:

Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		434.885.152.426	275.769.472.458
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	23(a)	138.316.050.395	40.416.166.190
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	25	83.399.878.622	54.623.012.736
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	23(b)	213.169.223.409	180.730.293.532
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư HTM	02	23(b)	1.024.890.411	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	23(b)	299.632.397.686	103.751.089.752
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính AFS	04	23(b)	1.378.697.014	97.614.000
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		1.230.777.661	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	23(c)	516.510.627.105	210.074.613.317
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	23(c)	55.435.042.535	51.202.121.739
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	23(c)	16.353.972.948	16.565.627.372
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10	23(c)	3.455.090.908	1.280.090.909
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	23(c)	10.643.438.143	21.221.636.025
Cộng doanh thu hoạt động	20		1.340.550.086.837	679.962.265.572
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		14.210.245.295	(2.337.218.763)
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	24	14.331.278.554	47.466.963.667
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	25	(1.372.297.563)	(50.702.081.490)
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.3		1.251.264.304	897.899.060
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm các TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		170.839.941	175.176.153
2.5. Lỗ từ các TSTC phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		4.085.872.952	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		12.465.519.103	9.433.642.541
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		234.067.103.406	114.009.665.962
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		10.534.194.608	20.015.175.165
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		-	14.972.299
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		22.487.353.274	20.023.009.784
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		8.734.028.688	4.351.725.759
Cộng chi phí hoạt động	40		306.755.157.267	165.686.148.900

Mẫu B02 - CTCK(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	26	5.107.764.107	26.448.192
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	26	1.294.620.871	1.647.254.834
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		6.402.384.978	1.673.703.026
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	27	8.135.687.084	21.035.140
4.2. Chi phí lãi vay	52	27	189.021.056.746	89.668.063.988
Cộng chi phí tài chính	60		197.156.743.830	89.689.099.128
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	28	113.803.881.521	102.938.464.793
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		729.236.689.197	323.322.255.777
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		95.357.724	376.272.800
8.2. Chi phí khác	72		5.500.000	1
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		89.857.724	376.272.799
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		729.326.546.921	323.698.528.576
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		644.554.370.736	218.373.434.350
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	25	84.772.176.185	105.325.094.226
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	100		143.352.724.555	61.905.917.766
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	127.200.622.307	52.314.597.902
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	29	16.152.102.248	9.591.319.864
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		585.973.822.366	261.792.610.810
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		874.642.389	(78.091.200)
12.1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	301		874.642.389	(78.091.200)
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 200 + 300)	400		586.848.464.755	261.714.519.610

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:





Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợpLê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởngLê Việt Hà
Phó Giám đốc

Mẫu B03b - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	729.326.546.921	323.698.528.576
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	50.197.876.518	2.497.866.809
- Khấu hao tài sản cố định	03	7.676.382.195	6.219.247.573
- Các khoản dự phòng	04	131.059.479	95.407.704
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(1.740.815.478)	(5.480.697)
- Chi phí lãi vay	06	189.021.056.746	89.668.063.988
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(2.367.329.464)	(1.984.345.743)
- Dự thu tiền lãi	08	(147.505.109.661)	(91.495.026.016)
- Các khoản điều chỉnh khác	09	4.982.632.701	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	(1.372.297.563)	(50.702.081.490)
- Lỗi đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11	(1.372.297.563)	(50.702.081.490)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(83.399.878.622)	(54.623.012.736)
- Lãi đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19	(83.399.878.622)	(54.623.012.736)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(3.261.572.899.907)	(2.286.862.989.720)
- Tăng TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(497.296.163.342)	(1.561.402.814.343)
- Tăng các khoản đầu tư HTM	32	(100.000.000.000)	-
- Tăng các khoản cho vay	33	(2.552.194.620.631)	(484.919.603.542)
- Tăng TSTC AFS	34	(100.000.000.000)	-
- Giảm/(tăng) phải thu bán các TSTC	35	2.435.970.675	(2.777.724.100)
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	92.343.766.016	44.762.277.119
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(12.622.560.298)	10.515.145.165
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu khác	39	204.309.802.419	(164.969.656.786)
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40	(117.813.564)	1.125.049.810
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	455.465.703	258.578.411
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	42	(8.174.946.976)	352.405.686
- Thuế TNDN đã nộp	43	(114.340.358.617)	(29.631.496.652)
- Lãi vay đã trả	44	(180.088.164.982)	(90.911.729.590)
- Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45	2.295.186.662	(4.762.011.348)
- Giảm các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46	716.719	-
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	17.956.289.953	9.223.911.782
- Tăng phải trả người lao động	48	9.026.946.762	1.506.566.304
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50	5.986.206.832	3.830.325.558
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	3.438.758.120	712.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(34.987.381.358)	(19.774.813.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(2.566.820.652.653)	(2.065.991.688.561)

Mẫu B03b – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(3.814.834.800)	(8.957.479.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản khác	62	47.818.182	337.090.909
4. Tiền thu từ đầu tư khác	64	2.319.511.282	1.647.254.834
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>	<i>(1.447.505.336)</i>	<i>(6.973.133.307)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	73	179.990.105.110.307	81.174.462.375.990
3.2. Tiền vay khác	73.2	179.990.105.110.307	81.174.462.375.990
4. Tiền trả nợ gốc vay	74	(177.204.323.995.143)	(79.154.498.881.509)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	(177.204.323.995.143)	(79.154.498.881.509)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>	<i>2.785.781.115.164</i>	<i>2.019.963.494.481</i>
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	217.512.957.175	(53.001.327.387)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	13.602.282.946	66.603.610.333
Tiền	101.1	13.602.282.946	66.603.610.333
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	231.115.240.121	13.602.282.946
Tiền	103.1	231.115.240.121	13.602.282.946

Mẫu B03b - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2021 VND	2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	882.353.569.006.301	374.957.450.411.796
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(937.558.910.280.518)	(417.078.996.413.655)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	55.926.719.296.149	45.740.932.469.276
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(516.510.248.225)	(210.069.549.317)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(10.103.145.695)	(8.959.961.901)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	28.657.687.987.009	21.519.902.766.796
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(28.651.023.655.055)	(21.522.195.041.704)
<i>Tổng tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>	<i>201.428.959.966</i>	<i>3.398.064.681.291</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	4.418.690.736.407	1.020.626.055.116
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	4.418.690.736.407	1.020.626.055.116
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	3.378.039.377.709	834.721.235.761
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	1.016.277.126.642	159.245.842.721
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	3.953.704.157	3.946.173.827
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	20.420.527.899	22.712.802.807

Mẫu B03b - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.620.119.696.373	4.418.690.736.407
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	4.620.119.696.373	4.418.690.736.407
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	2.812.284.490.557	3.378.039.377.709
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	1.776.789.463.950	1.016.277.126.642
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	3.960.882.013	3.953.704.157
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	27.084.859.853	20.420.527.899

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Người lập:

Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Mẫu B04 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Số dư đầu năm	
		1/1/2020	1/1/2021
		VND	VND
I.	Biến động vốn chủ sở hữu		
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (i)	21.199.307.334	34.288.937.875
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (i)	63.134.033.294	76.223.663.835
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	(143.299.200)	(221.390.400)
7.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30.762.096.449	30.762.096.449
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	425.170.535.153	664.822.848.571
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	433.917.917.110	589.310.155.147
8.2.	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện (ii)	(8.747.381.957)	75.512.693.424
	TỔNG CỘNG	1.540.122.673.030	1.805.876.156.330
II.	Thu nhập toàn diện khác		
1.	(Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	(143.299.200)	(221.390.400)
	TỔNG CỘNG	(143.299.200)	(221.390.400)

(i) Biến động trong năm của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bao gồm các khoản tạm trích các quỹ cho năm 2021 và các khoản điều chỉnh trích quỹ cho các năm trước theo Nghị quyết được phê duyệt bởi Ngân hàng mẹ.

(ii) Khoản giảm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện trong năm 2021 bao gồm các khoản: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 24.200.515.669 VND, trích Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 45.231.300.870 VND, trích lập Quỹ khen thưởng người quản lý là 1.050.165.275 VND, điều chỉnh giảm quỹ lương năm 2020 là 5.009.685.000 VND, điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp bổ sung cho năm 2020 là 1.001.937.000 VND và tiền chậm nộp thuế TNDN phải nộp bổ sung năm 2020 là 27.052.299 VND.

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:






Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
2020		2021		31/12/2020	31/12/2021
Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) (ii) VND	VND	VND
-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
13.089.630.541	-	26.628.266.805	(4.012.616.370)	34.288.937.875	56.904.588.310
13.089.630.541	-	26.628.266.805	(4.012.616.370)	76.223.663.835	98.839.314.270
-	(78.091.200)	874.642.389	-	(221.390.400)	653.251.989
-	-	-	-	30.762.096.449	30.762.096.449
261.792.610.810	(22.140.297.392)	585.973.822.366	(66.501.286.143)	664.822.848.571	1.184.295.384.794
177.532.535.429	(22.140.297.392)	516.763.429.037	(66.501.286.143)	589.310.155.147	1.039.572.298.041
84.260.075.381	-	69.210.393.329	-	75.512.693.424	144.723.086.753
287.971.871.892	(22.218.388.592)	640.104.998.365	(74.526.518.883)	1.805.876.156.330	2.371.454.635.812
-	(78.091.200)	874.642.389	-	(221.390.400)	653.251.989
-	(78.091.200)	874.642.389	-	(221.390.400)	653.251.989

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2002 tại Việt Nam. Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Hội sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (1) Hội sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và sáu (6) phòng giao dịch (1/1/2021: một (1) Hội sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và năm (5) phòng giao dịch).

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 VND (1/1/2021: 1.000.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 306 nhân viên (1/1/2021: 286 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch trong năm bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tài sản và nợ phải trả tài chính**(i) Ghi nhận**

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- » Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(d);
- » Các khoản cho vay và phải thu: Xem Thuyết minh 3(e);
- » Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(f);
- » Các TSTC sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(g).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định giá thị trường hoặc giá trị hợp lý

Đối với các TSTC là chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính theo yêu cầu thông qua các mô hình định giá. Đối với TSTC là công cụ nợ, Công ty áp dụng mô hình định giá giá trị hiện tại ròng và dòng tiền chiết khấu. Các giả định và yếu tố đầu vào được sử dụng trong kỹ thuật định giá bao gồm lãi suất không có rủi ro, mức chênh lệch tín dụng và các chỉ tiêu khác để ước tính lãi suất chiết khấu.

(vi) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- » Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- » Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- » Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- » Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- » Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(d) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường hay giá trị hợp lý, Công ty ghi nhận các chứng khoán này theo giá gốc.

(e) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản cho vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- » các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- » các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- » các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- » Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- » Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(g) Các TSTC sẵn sàng để bán

Các TSTC sẵn sàng để bán là các TSTC phi phái sinh được Công ty chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc là những TSTC không được phân loại là TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay và phải thu hay các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các TSTC đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC sẵn sàng để bán được phản ánh theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cũng đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị hay không. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trên báo cáo kết quả hoạt động.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là TSTC sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm việc giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá giá trị hợp lý so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức trích dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(i) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(j) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm người lao động thôi việc. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ. Trợ cấp thôi việc được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi có khoản chi trả.

(m) Trái phiếu phát hành**Trái phiếu thường**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu hay phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần vào lãi/lỗ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng bán và cam kết mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng mua lại trái phiếu Chính phủ được theo dõi tại khoản mục “Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ” trên báo cáo tình hình tài chính.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(o) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo các quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Chủ sở hữu.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về vốn, tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(p) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Doanh thu và thu nhập khác**(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư HTM, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính và dịch vụ nhận chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh trên cơ sở dồn tích.

(t) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Ngân hàng mẹ và các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 và Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**(a) Tổng quan**

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- » rủi ro tín dụng;
- » rủi ro thanh khoản; và
- » rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định. Đồng thời, Ban Giám đốc cũng đánh giá và thiết lập danh mục tài sản đảm bảo cho phép, các điều kiện cho vay và quy định về xử lý nợ vay.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	231.115.240.121	13.602.282.946
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	3.909.642.244.324	3.444.188.256.436
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	100.000.000.000	-
Các TSTC sẵn sàng để bán	(ii)	101.202.136.986	-
Các khoản cho vay	(iii)	4.226.097.579.905	1.673.902.959.274
Các khoản phải thu từ TSTC	(iii)	147.848.159.086	95.122.786.116
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	19.127.128.509	6.504.568.211
Các khoản phải thu khác	(iii)	10.630.350.933	214.939.337.874
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	300.000	300.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	3.346.443.135	4.063.201.255
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác – Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phải sinh	(iv)	10.000.000.000	10.000.000.000
		8.779.009.582.999	5.482.323.692.112

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các TSTC sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay, các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Không có khoản phải thu nào quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Biến động trong năm của dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.889.194.045	3.793.786.341
Trích lập dự phòng trong năm	470.291.135	268.226.153
Hoàn nhập/sử dụng dự phòng trong năm	(339.231.656)	(172.818.449)
Số dư cuối năm	4.020.253.524	3.889.194.045

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2021

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.965.065.708.305	6.013.905.498.246	6.013.905.498.246
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12.277.468.078	12.277.468.078	12.277.468.078
Phải trả người bán ngắn hạn	2.832.275.481	2.832.275.481	2.832.275.481
Chi phí phải trả ngắn hạn	13.909.980.100	13.909.980.100	13.909.980.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.723.951.628	1.723.951.628	1.723.951.628
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	750.693.882.032	751.231.500.000	751.231.500.000
	6.746.503.265.624	6.795.880.673.533	6.795.880.673.533

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

1/1/2021

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.716.230.093.141	2.733.827.306.986	2.733.827.306.986
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	68.300.000.000	73.422.500.000	73.422.500.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.614.738.873	7.614.738.873	7.614.738.873
Phải trả người bán ngắn hạn	1.056.208.319	1.056.208.319	1.056.208.319
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.411.298.961	4.411.298.961	4.411.298.961
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	332.535.919	332.535.919	332.535.919
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	1.147.298.705.704	1.147.662.500.000	1.147.662.500.000
	3.945.243.580.917	3.968.327.089.058	3.968.327.089.058

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	231.115.240.121	13.602.282.946
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	3.249.629.995.309	2.811.961.121.166
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	100.000.000.000	-
Các TSTC sẵn sàng để bán	101.202.136.986	-
Các khoản cho vay	4.226.097.579.905	1.673.902.959.274
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	-	207.185.905.873
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(5.965.065.708.305)	(2.716.230.093.141)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	(68.300.000.000)
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	(750.693.882.032)	(1.147.298.705.704)
	1.222.285.361.984	804.823.470.414
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	660.012.249.015	632.227.135.270

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 5.280.097.992 VND lợi nhuận thuần của Công ty (1/1/2021: 5.057.817.082 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết của Công ty là 445.657.637.690 VND (1/1/2021: 227.137.877.489 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 35.652.611.015 VND (1/1/2021: 22.171.030.199 VND).

Mẫu B09 – CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	230.980.554.262	13.438.047.485
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	134.685.859	164.235.461
	231.115.240.121	13.602.282.946

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

2021			2020	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty				
Cổ phiếu	34.377.228	1.210.981.194.800	56.328.181	1.332.555.839.900
Trái phiếu	330.556.000	40.578.823.636.000	219.000.000	26.115.651.500.000
Chứng chỉ quỹ	500	12.599.000	-	-
		41.789.817.429.800		27.448.207.339.900
Của Nhà đầu tư				
Cổ phiếu	16.904.780.893	369.674.144.575.560	8.440.807.872	120.629.177.143.110
Trái phiếu	714.927.065	75.955.667.373.260	825.099.146	92.576.176.974.872
Chứng chỉ quỹ	16.653.700	379.254.784.000	2.321.970	30.642.454.300
		446.009.066.732.820		213.235.996.572.282
		487.798.884.162.620		240.684.203.912.182

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2021				1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	281.546.918.302	445.657.637.690	445.657.637.690	235.767.335.325	277.137.877.489	277.137.877.489
Cổ phiếu chưa niêm yết	48.805.639.133	15.249.767.765	15.249.767.765	64.299.452.383	30.748.475.391	30.748.475.391
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	-	-	26.003.332.765	36.406.700.936	36.406.700.936
Trái phiếu niêm yết	721.687.833.901	759.354.102.709	759.354.102.709	1.063.794.347.601	1.135.723.527.402	1.135.723.527.402
Trái phiếu chưa niêm yết	997.346.215.478	1.006.748.141.615	1.006.748.141.615	737.325.975.398	741.564.729.034	741.564.729.034
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	2.142.000.000.000	2.142.000.000.000	2.142.000.000.000	1.566.900.000.000	1.566.900.000.000	1.566.900.000.000
Các tài sản tài chính phái sinh chưa niêm yết	-	1.540.000.000	1.540.000.000	-	-	-
	4.191.386.606.814	4.370.549.649.779	4.370.549.649.779	3.694.090.443.472	3.788.481.310.252	3.788.481.310.252

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi có giá gốc là 2.429.989 triệu VND (1/1/2021: 1.396.420 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trái phiếu niêm yết có giá gốc là 694.438 triệu VND (1/1/2021: 1.063.794 triệu VND) đã được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	3.305.243.651.420	3.305.243.651.420	1.673.902.959.274	1.673.902.959.274
Ứng trước tiền bán chứng khoán	920.853.928.485	920.853.928.485	-	-
	4.226.097.579.905	4.226.097.579.905	1.673.902.959.274	1.673.902.959.274

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 10,0% đến 12,0% (1/1/2021: từ 10,0% đến 12,0%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% – 90% và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% – 70% (1/1/2021: 30% – 70%).

Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ có giá trị lớn hơn giá trị của các khoản cho vay ký quỹ.

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.190.000.000	7.804.428.000	8.190.000.000	7.913.262.000
Trái phiếu doanh nghiệp	100.000.000.000	101.202.136.986	-	-
	108.190.000.000	109.006.564.986	8.190.000.000	7.913.262.000

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	31/12/2021			
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	281.546.918.302	165.691.794.958	(1.581.075.570)	445.657.637.690
Cổ phiếu chưa niêm yết	48.805.639.133	1.197.484	(33.557.068.852)	15.249.767.765
Trái phiếu niêm yết	721.687.833.901	37.732.734.561	(66.465.753)	759.354.102.709
Trái phiếu chưa niêm yết	997.346.215.478	10.625.141.539	(1.223.215.402)	1.006.748.141.615
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	2.142.000.000.000	-	-	2.142.000.000.000
Các tài sản tài chính phái sinh chưa niêm yết	-	1540.000.000	-	1.540.000.000
	4.191.386.606.814	215.590.868.542	(36.427.825.577)	4.370.549.649.779
TSTC sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.190.000.000	-	(385.572.000)	7.804.428.000
Trái phiếu doanh nghiệp	100.000.000.000	1.202.136.986	-	101.202.136.986
	108.190.000.000	1.202.136.986	(385.572.000)	109.006.564.986
	4.299.576.606.814	216.793.005.528	(36.813.397.577)	4.479.556.214.765

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

1/1/2021 Chênh lệch đánh giá lại				
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	235.767.335.325	45.462.666.171	(4.092.124.007)	277.137.877.489
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.299.452.383	1.197.485	(33.552.174.477)	30.748.475.391
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	26.003.332.765	10.403.368.171	-	36.406.700.936
Trái phiếu niêm yết	1.063.794.347.601	71.929.179.801	-	1.135.723.527.402
Trái phiếu chưa niêm yết	737.325.975.398	4.394.578.295	(155.824.659)	741.564.729.034
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.566.900.000.000	-	-	1.566.900.000.000
	3.694.090.443.472	132.190.989.923	(37.800.123.143)	3.788.481.310.252
TSTC sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.190.000.000	-	(276.738.000)	7.913.262.000
	3.702.280.443.472	132.190.989.923	(38.076.861.143)	3.796.394.572.252

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu bán các TSTC	341.753.425	2.777.724.100
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	147.506.405.661	92.345.062.016
» Phải thu cổ tức	1.296.000	850.036.000
» Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	71.083.480.970	42.510.994.520
» Dự thu lãi trái phiếu	41.168.317.190	41.592.176.560
» Dự thu lãi hoạt động cho vay	35.253.311.501	7.391.854.936
	147.848.159.086	95.122.786.116

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.525.421.219	2.021.860.394
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	10.345.000.000	174.806
Phải thu hoạt động tư vấn	3.340.000.000	2.944.207.200
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.916.707.290	1.538.217.811
Phải thu dịch vụ khác	-	108.000
	19.127.128.509	6.504.568.211

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (i)	-	207.185.905.873
Phải thu khác	10.630.350.933	7.753.432.001
	10.630.350.933	214.939.337.874

- (i) Đây là số tiền nhà đầu tư chuyển nhượng cho Công ty quyền được thụ hưởng “giá trị tiền bán chứng khoán” mà nhà đầu tư thực tế sẽ nhận được vào ngày thanh toán đối với các giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh thành công theo Thông báo kết quả giao dịch của Công ty.

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dự phòng đầu năm VND	Dự phòng trích lập trong năm VND	Dự phòng hoàn nhập/sử dụng trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND
Phải thu từ dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp					
- Khách hàng khác	2.750.000.000	2.750.000.000	470.291.135	-	3.220.291.135
Các khoản phải thu khác					
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần in Bưu điện	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Hanel	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	18.500.000	18.500.000	-	-	18.500.000
- Khoản phải thu Công ty Tư vấn, Xây dựng và Thiết kế Đà Nẵng	25.000.000	25.000.000	-	-	25.000.000
- Khoản phải thu Xí nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Intimex	17.500.000	17.500.000	-	-	17.500.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Ryninh II	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000
- Các khách hàng khác	1.281.370.638	938.194.045	-	(339.231.656)	598.962.389
	4.232.370.638	3.889.194.045	470.291.135	(339.231.656)	4.020.253.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	556.378.450	275.443.343
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.639.479.565	1.611.547.270
	8.195.858.015	1.886.990.613

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	-	306.680.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.518.464.915	1.345.705.341
	3.518.464.915	1.652.385.341

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.192.046.240	47.889.009.628	55.081.055.868
Mua trong năm	-	2.542.834.800	2.542.834.800
Thanh lý trong năm	-	(627.105.329)	(627.105.329)
Số dư cuối năm	7.192.046.240	49.804.739.099	56.996.785.339
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.049.992.658	40.566.146.056	45.616.138.714
Khấu hao trong năm	589.132.475	4.144.924.192	4.734.056.667
Thanh lý trong năm	-	(627.105.329)	(627.105.329)
Số dư cuối năm	5.639.125.133	44.083.964.919	49.723.090.052
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.142.053.582	7.322.863.572	9.464.917.154
Số dư cuối năm	1.552.921.107	5.720.774.180	7.273.695.287

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.330.065.740	43.418.776.460	51.748.842.200
Mua trong năm	-	6.868.004.000	6.868.004.000
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	654.500.000	654.500.000
Thanh lý trong năm	(1.138.019.500)	(3.052.270.832)	(4.190.290.332)
Số dư cuối năm	7.192.046.240	47.889.009.628	55.081.055.868
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.304.047.650	39.805.713.500	45.109.761.150
Khấu hao trong năm	883.964.508	3.657.875.428	4.541.839.936
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	154.827.960	154.827.960
Thanh lý trong năm	(1.138.019.500)	(3.052.270.832)	(4.190.290.332)
Số dư cuối năm	5.049.992.658	40.566.146.056	45.616.138.714
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.026.018.090	3.613.062.960	6.639.081.050
Số dư cuối năm	2.142.053.582	7.322.863.572	9.464.917.154

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 39.486 triệu VND (1/1/2021: 35.593 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*
14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	
	2021 VND	2020 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	28.405.353.051	26.970.378.001
Mua trong năm	1.272.000.000	2.089.475.050
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(654.500.000)
Số dư cuối năm	29.677.353.051	28.405.353.051
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	25.631.830.635	24.109.250.958
Khấu hao trong năm	2.942.325.528	1.677.407.637
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(154.827.960)
Số dư cuối năm	28.574.156.163	25.631.830.635
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.773.522.416	2.861.127.043
Số dư cuối năm	1.103.196.888	2.773.522.416

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 24.657 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 23.385 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.969.350.002	6.741.599.827
Dự phòng phải thu khó đòi	73.760.265	81.716.357
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	-	55.347.600
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.608.241	10.168.936
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.053.718.508	6.888.832.720
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(42.810.173.710)	(26.438.197.984)
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	(163.312.996)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(17.692.546)	(17.332.635)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(42.991.179.252)	(26.455.530.619)
	(35.937.460.744)	(19.566.697.899)

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	1/1/2021 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động VND	Được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác VND	31/12/2021 VND
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	33.707.999.134	1.138.750.873	-	34.846.750.007
Dự phòng phải thu khó đòi	408.581.786	(39.780.462)	-	368.801.324
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(132.190.989.926)	(81.859.878.616)	-	(214.050.868.542)
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	276.738.000	-	(1.093.302.985)	(816.564.985)
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(35.818.493)	396.970	-	(35.421.523)
	(97.833.489.499)	(80.760.511.235)	(1.093.302.985)	(179.687.303.719)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm và cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

17. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngân hàng (i)					
» Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	170.000.000.000	4.468.000.000.000	(4.038.000.000.000)		600.000.000.000
» Ngân hàng TMCP An Bình	380.000.000.000	7.264.000.000.000	(7.144.000.000.000)		500.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	283.500.000.000	(283.500.000.000)		-
» Ngân hàng TNHH CTBC	149.000.000.000	1.109.000.000.000	(1.108.000.000.000)		150.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	170.000.000.000	897.000.000.000	(767.000.000.000)		300.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	94.400.000.000	3.509.400.000.000	(3.360.800.000.000)		243.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	200.000.000.000	679.000.000.000	(596.000.000.000)		283.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	99.000.000.000	1.223.000.000.000	(1.080.000.000.000)		242.000.000.000
» Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)		-
» Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	50.000.000.000	181.000.000.000	(231.000.000.000)		-
» Ngân hàng TNHH Indovina	191.000.000.000	1.470.000.000.000	(1.361.000.000.000)		300.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Tiên Phong	500.000.000.000	2.859.000.000.000	(3.359.000.000.000)		-
» Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	244.000.000.000	2.215.000.000.000	(1.909.000.000.000)		550.000.000.000
» Ngân hàng Sinopac	-	231.300.000.000	(150.000.000)		229.800.000.000
» Ngân hàng Daegu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	360.000.000.000	(240.000.000.000)		120.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.086.000.000.000	(986.000.000.000)		100.000.000.000
» Ngân hàng Maybank	-	411.480.000.000	(90.000.000)		411.390.000.000
» Ngân hàng Taishin International	-	229.950.000.000	(150.000.000)		229.800.000.000
» Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	-	230.000.000.000	-		230.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	50.000.000.000	-		50.000.000.000
» Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	-	670.000.000.000	(585.000.000.000)		85.000.000.000
Vay khác (ii)	2.347.400.000.000	29.426.630.000.000	(27.150.040.000.000)		4.623.990.000.000
	368.830.093.141	134.028.610.860.307	(133.056.365.245.143)		1.341.075.708.305
	2.716.230.093.141	163.455.240.860.307	(160.206.405.245.143)		5.965.065.708.305

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 12 tháng và chịu lãi suất năm từ 1,60% đến 7,50% (1/1/2021: các khoản vay trên có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 5 tháng và chịu lãi suất năm từ 4,00% đến 6,50%).

Các khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán và giấy tờ có giá có giá gốc là 2.429.989 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 1.396.420 triệu VND) (Thuyết minh 7).

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư này phản ánh các khoản vay tổ chức và cá nhân khác chịu lãi suất năm từ 3,50% đến 7,50% (1/1/2021: các khoản vay qua đêm và chịu lãi suất năm từ 3,50% đến 3,90%).

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	10.960.310.920	6.519.781.445
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	1.317.157.158	1.094.957.428
	12.277.468.078	7.614.738.873

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả về mua các tài sản tài chính ngắn hạn	2.731.849.219	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	100.426.262	1.056.208.319
	2.832.275.481	1.056.208.319

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	457.984.287	5.542.780.465	(4.905.172.392)	1.095.592.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.590.211.493	128.202.559.307	(114.340.358.617)	30.452.412.183
Thuế thu nhập cá nhân	1.503.234.638	28.198.816.239	(26.448.938.624)	3.253.112.253
Thuế nộp hộ nhà đầu tư	11.371.787.287	207.382.460.735	(191.999.873.084)	26.754.374.938
Các loại thuế khác	646.577.876	7.098.489.326	(6.693.139.569)	1.051.927.633
	30.569.795.581	376.425.106.072	(344.387.482.286)	62.607.419.367

Mẫu B09 – CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	13.195.935.986	3.366.802.743
Lãi vay trái phiếu phát hành	-	785.917.807
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	714.044.114	258.578.411
	13.909.980.100	4.411.298.961

22. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG**(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty chứng khoán**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	16.821.859	192.743.590.000	15.571.628	155.716.280.000

(b) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch	334	3.340.000	2	20.000

(c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	-	-	5.000	50.000.000

(d) TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của Công ty chứng khoán

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Hơn 1 năm	5.020.114	50.201.140.000	6.132.719	61.327.190.000

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	2.763.391.968	37.458.464.400.000	2.444.813.713	37.828.581.850.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	42.697.106	426.971.060.000	39.104.349	391.043.490.000
TSTC giao dịch cầm cố	413.942.435	9.830.124.350.000	426.791.453	10.237.614.530.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	14.518	145.180.000	14.516	145.160.000
TSTC chờ thanh toán	68.529.469	687.094.690.000	58.916.323	859.163.230.000
	3.288.575.496	48.402.799.680.000	2.969.640.354	49.316.548.260.000

(f) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	15.750.790	157.507.900.000	7.077.390	70.773.900.000
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.670.810	16.708.100.000	197.459	1.974.590.000
	17.421.600	174.216.000.000	7.274.849	72.748.490.000

(g) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	24.688.765	246.887.650.000	25.212.115	354.471.610.000

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(h) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.812.284.490.557	3.378.039.377.709
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	1.906.220.286.943	1.722.350.665.865
<i>b. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	832.059.750.392	1.636.370.656.073
<i>c. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại TTLKCK</i>	74.004.453.222	19.318.055.771
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.776.789.463.950	1.016.277.126.642
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.960.882.013	3.953.704.157
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	2.329.447.031	2.325.297.819
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	1.631.434.982	1.628.406.338
	4.593.034.836.520	4.398.270.208.508

(i) Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	10.352.257	10.986.791
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	27.074.507.596	20.409.541.108
	27.084.859.853	20.420.527.899

(j) Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
<i>a. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	3.659.255.955.594	2.737.042.007.982
<i>b. Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	852.843.721.013	1.639.918.756.701
<i>c. Phải trả tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư</i>	81.291.823.506	23.168.076.333
	4.593.391.500.113	4.400.128.841.016

(k) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26.728.196.260	18.561.895.391

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(a) Lãi từ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2021	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	11.741.916	36.462	428.137.673.010	360.629.769.312	67.507.903.698
Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.055.449	20.663	63.134.450.402	44.709.502.573	18.424.947.829
Trái phiếu niêm yết	31.788.000	114.847	3.650.770.514.000	3.606.630.021.426	44.140.492.574
Trái phiếu chưa niêm yết	4.723.562	544.007	2.569.649.199.363	2.562.510.269.097	7.138.930.266
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	400.000	1.007.266	402.906.400.000	401.948.073.972	958.326.028
Công cụ phái sinh niêm yết			-	-	145.450.000
			7.114.598.236.775	6.976.427.636.380	138.316.050.395

2020	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	13.927.662	23.998	334.241.821.800	318.760.328.143	15.481.493.657
Trái phiếu niêm yết	19.000.000	122.918	2.335.447.000.000	2.317.071.488.585	18.375.511.415
Trái phiếu chưa niêm yết	17.544.748	138.808	2.435.359.499.385	2.430.484.791.693	4.874.707.692
Chứng chỉ quỹ và giấy tờ có giá	500.000	926.417	463.208.550.000	461.524.096.574	1.684.453.426
			5.568.256.871.185	5.527.840.704.995	40.416.166.190

Mẫu B09 – CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**(b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

	2021 VND	2020 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	213.169.223.409	180.730.293.532
» Cổ tức	12.454.090.139	14.177.516.717
» Tiền lãi	200.715.133.270	166.552.776.815
Từ các khoản đầu tư HTM	1.024.890.411	-
Từ các khoản cho vay	299.632.397.686	103.751.089.752
Từ các TSTC AFS	1.378.697.014	97.614.000
» Cổ tức	108.834.000	97.614.000
» Tiền lãi	1.269.863.014	-
	515.205.208.520	284.578.997.284

(c) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	516.510.627.105	210.074.613.317
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	55.435.042.535	51.202.121.739
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.353.972.948	16.565.627.372
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	3.455.090.908	1.280.090.909
Thu nhập hoạt động khác	10.643.438.143	21.221.636.025
	602.398.171.639	300.344.089.362

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. LỖ BÁN CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ

2021	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	5.726.158	34.711	198.759.863.190	211.597.517.771	12.837.654.581
Trái phiếu niêm yết	1.500.000	377.933	188.966.500.000	190.352.273.973	1.385.773.973
Công cụ phái sinh niêm yết			-	-	107.850.000
			387.726.363.190	401.949.791.744	14.331.278.554

2020	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	16.542.487	19.812	327.737.865.700	368.557.933.465	40.820.067.765
Trái phiếu niêm yết	2.500.000	131.425	328.561.500.000	335.182.212.329	6.620.712.329
Trái phiếu chưa niêm yết	1.400.000	106.870	149.618.000.000	149.644.183.573	26.183.573
			805.917.365.700	853.384.329.367	47.466.963.667

25. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TSTC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	281.546.918.302	445.657.637.690	164.110.719.388	41.370.542.164	122.740.177.224
Cổ phiếu chưa niêm yết	48.805.639.133	15.249.767.765	(33.555.871.368)	(33.550.976.992)	(4.894.376)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	-	-	10.403.368.171	(10.403.368.171)
Trái phiếu niêm yết	721.687.833.901	759.354.102.709	37.666.268.808	71.929.179.801	(34.262.910.993)
Trái phiếu chưa niêm yết	997.346.215.478	1.006.748.141.615	9.401.926.137	4.238.753.636	5.163.172.501
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	2.142.000.000.000	2.142.000.000.000	-	-	-
Các TSTC phái sinh chưa niêm yết	-	1.540.000.000	154.000.000	-	1.540.000.000
	4.191.386.606.814	4.370.549.649.779	179.163.042.965	94.390.866.780	84.772.176.185
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động:					
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC					83.399.878.622
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC					1.372.297.563
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					84.772.176.185

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

25. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TSTC (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	235.767.335.325	277.137.877.489	41.370.542.164	(59.930.356.391)	101.300.898.555
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.299.452.383	30.748.475.391	(33.550.976.992)	(26.550.976.992)	(7.000.000.000)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	26.003.332.765	36.406.700.936	10.403.368.171	6.422.928.922	3.980.439.249
Trái phiếu niêm yết	1.063.794.347.601	1.135.723.527.402	71.929.179.801	37.406.636.415	34.522.543.386
Trái phiếu chưa niêm yết	737.325.975.398	741.564.729.034	4.238.753.636	30.762.902.927	(26.524.149.291)
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.566.900.000.000	1.566.900.000.000	-	954.637.673	(954.637.673)
	3.694.090.443.472	3.788.481.310.252	94.390.866.780	(10.934.227.446)	105.325.094.226
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động:					
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC					54.623.012.736
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC					50.702.081.490
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					105.325.094.226

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	5.107.764.107	26.448.192
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.504	602.255
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.107.758.603	25.845.937
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.294.620.871	1.647.254.834
	6.402.384.978	1.673.703.026

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	8.135.687.084	21.035.140
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.768.743.959	669.900
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.366.943.125	20.365.240
Chi phí lãi vay	189.021.056.746	89.668.063.988
	197.156.743.830	89.689.099.128

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	57.548.628.666	52.643.804.793
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	4.846.755.150	4.832.603.075
Chi phí văn phòng phẩm	724.954.046	600.996.135
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.213.875.300	1.822.877.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.531.651.458	4.797.011.680
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.715.185.593	1.826.761.040
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(39.780.462)	(79.768.449)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.463.175.404	23.628.492.762
Chi phí khác	15.799.436.366	12.865.685.881
	113.803.881.521	102.938.464.793

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	127.200.622.307	52.314.597.902
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	16.152.102.248	9.591.319.864
Chi phí thuế TNDN	143.352.724.555	61.905.917.766

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	729.326.546.921	323.698.528.576
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	145.865.309.384	64.739.705.715
Thuế tương ứng chi phí không được khấu trừ thuế	-	21.238.194
Thuế tương ứng thu nhập không bị tính thuế	(2.512.584.829)	(2.855.026.143)
	143.352.724.555	61.905.917.766

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
<i>(Ngân hàng mẹ)</i>		
Tiền gửi thanh toán	229.763.705.723	12.737.977.939
Lãi dự thu trái phiếu	149.724.040	1.350.895.741
Cổ phiếu và trái phiếu	26.231.618.032	197.951.649.822
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198		
<i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Đặt cọc thuê văn phòng	2.764.333.935	2.764.333.935
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank		
<i>(Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)</i>		
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ VCBF – BCF và VCBF – TBF	-	26.003.332.765

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
<i>(Ngân hàng mẹ)</i>		
Thu nhập lãi tiền gửi	91.700.869	67.368.251
Hợp tác kinh doanh, thuê văn phòng	7.809.409.111	2.900.872.424
Phí ngân hàng	360.538.304	117.164.565
Thu nhập lãi trái phiếu và cổ tức cổ phiếu Vietcombank	4.016.218.284	6.874.825.934
Doanh thu tư vấn	445.454.546	-
Doanh thu lưu ký, môi giới	132.303.574	-
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198		
<i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Chi phí thuê văn phòng	11.057.335.740	11.057.335.740
Chi phí điện, nước, trông xe	925.601.727	890.273.986
Chi phí đặt biển quảng cáo	13.055.369	-
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank		
<i>(Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)</i>		
Doanh thu môi giới	302.951.262	193.168.268
Doanh thu khác	44.740.521	88.310.781
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	13.922.967.842	12.640.232.953

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng 1 năm	18.938.177.024	10.800.069.024
Từ trên 1 năm đến 5 năm	54.310.921.296	37.037.100.096
Trên 5 năm	88.158.131.488	97.312.706.512
	161.407.229.808	145.149.875.632

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Tầng 6-7-8, Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Hotline: 1900 98 9999 / Fax: (84-24) 3936 0262

www.vCBS.com.vn